

Qui sơn cảnh sách

Quyển Qui Sơn Cảnh Sách là một quyển luận của Thiền sư Linh Hựu. Do Ngài ở tại núi Qui, người đương thời nể trọng đức hạnh không dám gọi tên, nên dùng tên núi để gọi Ngài ; vì vậy Ngài có tên là Qui Sơn. Quyển luận này nhằm mục đích nhắc nhở người xuất gia phải nỗ lực tu hành, để được giải thoát nên được đề tựa là Cảnh Sách; “Qui Sơn Cảnh Sách” là luận Cảnh Sách của Ngài Qui Sơn.

Đây là bộ luận mà trong thiền môn nói riêng, giới xuất gia nói chung, coi như kinh của Phật. Thế nên ai xuất gia vào chùa, trong thời gian đầu học làm Sa Di, đều phải học thuộc lòng ba quyển gọi là Phật Tổ Tam Kinh; Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Di Giáo, Qui Sơn Cảnh Sách.

Hai quyển đầu là lời Phật dạy được gọi là kinh thì đúng. Quyển Cảnh Sách của Ngài Qui Sơn đáng lý phải gọi là luận, tại sao lại gọi là kinh? Các vị thuở xưa thấy lời chỉ dạy sách tấn của Ngài rất thiết yếu, vừa thích hợp với chân lý, vừa phù hợp với căn cơ mọi người, nên các vị xem như lời Phật dạy, vì vậy mà gọi là kinh. Quyển Qui Sơn Cảnh Sách đối với tất cả những người xuất gia còn trẻ, trong thời tập sự đã phải học thuộc lòng rồi. Nhưng hôm nay tôi đem ra giảng, vì đây là tác phẩm của một thiền sư (Tổ Qui Sơn) thuộc đời thứ tư sau Lục Tổ:

1. Nam Nhạc Hoài Nhượng
2. Mã Tổ Đạo Nhất
3. Bá Trượng Hoài Hải
4. Qui Sơn Linh Hựu

Ngài sinh năm 771 tịch năm 853. Quyển sách này ra đời vào khoảng cuối thế kỷ thứ tám hoặc đầu thế kỷ thứ chín. Ngài giáo hóa trên núi Qui, nơi đây có hơn 1500 thiền sinh qui tụ tu tập, nên Ngài có lời cảnh sách để răn nhắc chung toàn chúng. Lời Ngài chẳng những có giá trị về đạo lý, mà còn có giá trị về văn chương, nên được trong thiền môn dùng để sách tấn toàn thể Tăng Ni. Bởi có giá trị như thế nên sau này có nhiều nhà giải thích:

1. Đời Tống, Ngài Thủ Toại chú đề tựa là “Qui Sơn Cảnh Chú” (1 quyển)
2. Đời Minh, Ngài Đạo Bá giải đề tựa là “Qui Sơn Cảnh Sách Chỉ Nam” Quyển này nằm trong bộ Phật Tổ Tam Kinh (1 quyển)
3. Đời Minh, Ngài Hoàng Tấn chú, Ngài Khai Quýnh ký, đề tựa là “Qui Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký” (2 quyển). Tập sách này được các chùa đặc biệt dùng, vì cho lời giải của hai vị này đầy đủ nhất.
4. Đời Minh, Ngài Đại Hương chú giải đề tựa là “Cảnh Sách Chú” (1 quyển).

Dịch từ Hán sang Việt , có các vị:

1. Hòa Thượng Hành Trụ dịch từ quyển “Qui Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký” của Ngài Hoàng Tấn và Khai Quýnh.
2. Pháp sư Kiêu dịch bản “Qui Sơn Cảnh Sách Chỉ Nam” của Ngài Đạo Bá.
3. Hòa Thượng Trí Quang dịch đề tựa là “Qui Sơn Cảnh Sách Văn” in trong tập luật Sa di và Sa di ni.
4. Thầy Hoàn Quan dịch trong Phật Tổ Tam Kinh.

Chánh văn “Qui Sơn Cảnh Sách” vừa cô đọng vừa có âm điệu, nên ở đây tôi giảng chánh văn để quý vị thấy giá trị văn chương và ý nghĩa cô đọng trong lời Ngài dạy. Trước giải thích tên luận .

Qui Sơn Cảnh Sách

“Qui Sơn” là ngọn núi Qui, nơi Thiền Sư Linh Hựu giáo hóa bốn chúng. “Cảnh Sách” . Cảnh là đánh thức những người đang mê chưa ngộ. Người tu chúng ta tuy đã phát tâm xuất gia học đạo, song còn mê say trong dục lạc, thường quên lãng việc tu hành. Nên Ngài dùng phương tiện đánh thức chúng ta nhớ lại bổn phận và trách nhiệm của người xuất gia để nỗ lực tiến tu, đó là cảnh. Sách nghĩa là roi da. Thường người cỡi ngựa muốn cho ngựa chạy nhanh, dùng roi da tróc tróc cho nó chạy. Cũng vậy, muốn sách tấn thúc đẩy người ta cũng phải dùng lời để răn nhắc cho tiến. Tông chỉ của bộ luận này, chủ yếu của Tổ là đánh thức người tu chúng ta nỗ lực tiến tới chỗ cứu cánh của người xuất gia.

Chánh Văn:

“Phù nghiệp hệ thọ thân , vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phù trì, thường trương vi bội. Vô thường lão bệnh bất dũ nhân kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát na dị thể. Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô; ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cửu. Niệm niệm tấn tốc, nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yển nhiên không quá?”.

Dịch:

Bởi do nghiệp trói buộc mà có thân, tức chưa khỏi khổ lụy về thân. Bẩm thụ tinh cha huyết mẹ, tạm mượn các duyên hợp thành. Tuy nhờ tứ đại giữ gìn, nhưng chúng thường trái nghịch. Vô thường, già, bệnh chẳng hẹn cùng người. Sáng còn tối mất, chỉ trong khoảng sát na đã qua đời khác. Ví như sương mùa xuân, mốc sáng sớm, phút chốc liền tan. Cây bên bờ vực, dây trong miệng giếng há được lâu bền. Niệm niệm qua nhanh, chỉ trong khoảng sát na, chuyển hơi thở đã là đời sau, sao lại an nhiên để ngày tháng trôi sông vô ích?.

Giảng:

“Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy”. Do nghiệp trói buộc lôi cuốn nên chúng ta phải thọ nhận thân này. Sau khi thọ nhận thân này rồi thì sao? “Vị miễn hình lụy”, tức chưa khỏi được cái khổ lụy về thân. Ngài nói có sự trùng hợp với Lão Tử: “Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân”, vì ta có thân nên có họa lớn. Lão Tử thấy do có thân nên có họa, song chưa nói đến nguyên do nào mà có thân. Tổ Qui Sơn nhìn theo con mắt của nhà tu Phật. Ngài thấy thân chúng ta sở dĩ có đây không phải ngẫu nhiên mà có, mà là do nghiệp chướng buộc lôi kéo chúng ta ra đây thì không thể nào tránh khỏi đau khổ. Đó là Ngài chỉ rõ nguyên nhân của sự đau khổ khi mang thân này. Nhưng tại sao nghiệp lôi mình được và sao mình đại dột để cho nghiệp lôi? Vấn đề này tôi sẽ dẫn vài thí dụ nhỏ để quý vị thấy. Đây là chúng ta tìm tột cùng cái nguyên nhân thuở trước, khi chúng ta chưa có thân này, do cái gì thúc đẩy lôi cuốn chúng ta có thân? “Cái thúc đẩy lôi cuốn” trong nhà Phật gọi là

“ nghiệp”. Nhưng nó lôi cuốn bằng cách nào? Kinh Phật nói, con người có ba nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thân, miệng, ý tạo tác thành nghiệp rồi, thì nghiệp thúc đẩy lôi cuốn chúng ta phải thọ thân sau và tùy theo nghiệp thiện hay ác mà dẫn chúng ta đến chỗ tốt hay xấu. Vậy nghiệp là gì? Nghiệp là động tác của thân, miệng, ý; động tác ấy lập đi lập lại nhiều lần thành thói quen, và khi đã thành thói quen, thì nó có sức mạnh chi phối, dắt dẫn con người theo nó. Với mắt phàm tục thì không thấy biết nghiệp, nhưng đối với bậc thánh giả thì thấy có bạch nghiệp và hắc nghiệp. Nên khi nhìn người, bậc thánh giả biết người ấy có chủng nghiệp lành hay dữ. Do trước kia tạo nghiệp lành hay dữ, khi sanh thân hoặc khổ hoặc vui; đó là nói theo tương đối thế gian. Còn nói theo đây thì dù cho thân sang hèn nghèo giàu gì cũng đều khổ hết, đó là tinh thần khổ đế của đạo Phật. Như vậy, do tạo nghiệp mà phải thọ thân sau, nên quý vị không lấy làm lạ, khi nghe các vị tu hành đắc đạo nói quá khứ, vị lai của một người nào đó, là do mắt huệ của các Ngài thấy được thiện nghiệp hay ác nghiệp của vị đó, và cũng không làm lạ đối với những nhà tướng số, căn cứ trên phước tướng nhiều ít mà đoán đúng hậu vận của con người. Thế nên nhiều người cho rằng mình có sẵn số mạng như thế nên thầy coi trúng. Nhưng trúng với ai và trật với ai? Chỉ trúng với những người dung thường, khi sanh ra họ cứ theo nghiệp cũ mà sống, không biết chuyển đổi nghiệp. Nhưng đối với những người hơi phi thường thì số mạng có đổi; chẳng hạn như những người xuất gia. Tử vi của mọi người chung chung là lớn lên lập gia đình có con cái, có chức phận v.v... Nhưng với người khoảng 15 tuổi xuất gia thì không có gia đình, không có con, không có chức phận, như vậy là đã cải số rồi. Nếu cho số mạng là cái định sẵn mà mọi người phải y theo đó để sống, không thể chuyển đổi thì quá làm lẫn. Nghiệp có thể chuyển được, chuyển từ nghiệp dữ thành nghiệp lành và ngược lại. Thế nên có lắm người trước thì say mê trong dục lạc, sau bừng tỉnh xa lìa dục lạc trở thành người cao thượng, và cũng có người tốt, gặp duyên bạn bè hư đốn quyến rũ chạy theo làm điều xấu ác. Nói đến nghiệp là nói đến động tác của thân, khẩu, ý và động tác ấy có thể chuyển đổi từ xấu trở thành tốt và từ tốt trở thành xấu.

Nay nên biết nghiệp chi phối lôi kéo con người như thế nào? Thí dụ một người có thói quen mở radio nghe nhạc, vào mỗi tối lúc 8 giờ, đêm nào cũng thế, thành thói quen. Bỗng một hôm radio hư không nghe được nhạc, người ấy cảm thấy buồn buồn, ngay lúc đó nhà hàng xóm mở radio, thói quen thúc đẩy người ấy tìm tới để nghe nhạc. Thói quen (nghiệp) không có hình tướng nhưng có sức mạnh thúc đẩy, chi phối con người làm theo nó. Đó là thói quen của tai. Bây giờ là thói quen của miệng, có người khi nghe nhạc thì miệng huýt sáo ca hát, tay chân nhịp theo điệu nhạc. Một hôm đến chỗ trang nghiêm. Lý đáng phải ngồi nghiêm chỉnh, nhưng ngồi một hồi cảm thấy buồn bèn nhịp đùi huýt sáo, vì đã thành thói quen rồi. Còn có những thói quen tệ hơn nữa là hút thuốc, ăn trầu, uống rượu, hút á phiện v.v... Vậy động lực nào bắt con người hút thuốc, ăn trầu, uống rượu? Có phải tại thói quen chăng? Thói quen trở thành tập nhiễm và có sức mạnh thôi thúc khiến con người làm theo nó. Nhà Phật gọi đó là nghiệp, chính nghiệp mình tạo rồi trói buộc và mình đi thọ sanh mà mình không hay biết, tưởng lý do này lý do kia bắt mình sinh ra đời, bắt mình chịu khổ. Tất cả chỉ là cái duyên bên ngoài, mà động lực chính là nghiệp lành hay nghiệp dữ khiến cho mình khổ hay vui. Điều mà mọi người phải ghi nhớ là thân không tạo nghiệp ác mà tạo nghiệp thiện, miệng không nói lời hung dữ mà nói lời lành, ý không nghĩ ác mà nghĩ thiện; cứ như thế mà

chuyên nghiệp thì mình làm chủ được mình không bị nghiệp sai sử. Và chúng ta có đủ can đảm, đủ sức mạnh xây dựng, sắp đặt cho cuộc sống ngày mai của chính mình và chịu đựng những gì xảy đến, mà không than trách ai cả. Nếu không hiểu như thế cứ để cho dòng định mệnh lôi cuốn tới đâu thì tới. Người hiểu rõ nghiệp và biết tu thì phải gắng mà chuyển nghiệp, người tu là những con thuyền vững lái, gió mặc gió, nước mặc nước, chúng ta cứ nhắm đích mà tiến, chớ để gió dập nước cuốn. Nói đến nghiệp là nói đến sức mạnh tự chủ, không phải là thái độ yếu đuối phó mặc cho số mệnh, để rồi việc không xong, hỏng thì đổ thừa cho nghiệp.

Đây, Tổ Qui Sơn chỉ cho chúng ta thấy cái nhân có thân này là do nghiệp, hoặc nghiệp lành nghiệp dữ; nếu thọ thân trong cảnh tốt được sung sướng an vui là do tạo nghiệp thiện, còn thọ thân trong cảnh xấu chịu khổ đau là do tạo nghiệp ác. Biết được khổ vui là do nghiệp mình tạo, để gan dạ chịu, không than oán khi gặp khổ, và cố gắng chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, nếu ta còn luân hồi. Hoặc gan dạ cắt đứt mọi trói buộc của nghiệp để được tự tại trong tam giới, đó là tu. Ngược lại biết rõ nghiệp, mà vẫn đầu hàng, phó mặc cho nó chi phối lôi trì, là không biết tu vậy. Còn tạo nghiệp là phải thọ thân, mà có thân thì khổ, vì thân này vô thường hoại diệt, dù là vua chúa hay ăn mày cũng không thoát khỏi vô thường, nên gọi là hình lụy. Có thân là có đủ các nỗi khổ nào là sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, thù oán gặp gỡ... Chỉ khi nào cắt đứt nghiệp thì không thọ thân và dứt luân hồi sanh tử. Không thọ thân không có nghĩa trở thành hư không, mà lúc ấy muốn độ ai thì tùy nguyện đến cứu giúp họ. Khi làm xong việc rồi đi một cách tự tại, chớ không bị nghiệp chi phối ép ngặt.

“Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành”. Chúng ta do nghiệp mà có thân. Vậy có thân bằng cách nào? Do sự duyên ái giữa cha mẹ, mà tinh cha huyết mẹ hợp lại thành bào thai, rồi do nghiệp thúc đẩy thần thức gá vào bào thai. Bào thai ấy nhờ tứ đại bên ngoài bồi bổ từ từ qua sự hô hấp ăn uống của mẹ, lớn dần thành hình tướng, đầy đủ các bộ phận. Và sau khi ra khỏi lòng mẹ, lại cũng nhờ tứ đại bên ngoài bồi bổ nuôi dưỡng lớn lên.

“Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội”. Tuy rằng thân này do tứ đại phụ giúp để nó được tồn tại. Nhưng trong khi gìn giữ nó vẫn thường trái nhau. Vì đất không ưa gió, nước không ưa lửa, lửa gặp nước lửa tắt, đất gặp gió đất rung rinh. Nếu bốn đại mất quân bình thì thân không an. Khi gió thịnh thì thân đau nhức, khi đất thịnh thì hơi không thông, khi nước nhiều lửa ít thì thân ốm gầy... Con người tuy có nhiều bệnh, song chỉ do bốn đại bất hòa mà ra. Muốn cho thân an ổn phải điều hòa bốn đại, nếu thấy đại nào mạnh thì hạn chế, đại nào yếu thì bồi bổ thêm, khéo điều hòa thì nó tồn tại, không khéo điều hòa thì nó tan rã. Trong sự chung hợp đó luôn có sự chống trái nhau, không bao giờ an ổn, chẳng khác nào kẻ nuôi giặc trong nhà. Đã nuôi giặc trong nhà thì dù chúng ta có khôn ngoan thế mấy, cũng không tránh khỏi chuyện nổi loạn. Vì vậy mà từ xưa đến nay có nhiều người Ấn Độ tập Yoga, và ở Trung Hoa thì vận khí công luyện đơn, để giữ cho thân này sống lâu. Tuy mọi người cố duy trì mạng sống lâu dài, nhưng chẳng mấy ai được như ý. Nếu khéo giữ lắm chỉ được vài trăm năm rồi cũng mất. Biết là giặc trong nhà mà muốn giữ nó còn mãi mãi, thì đó là quan niệm sai lầm. Chúng ta chẳng khác nào kẻ đi biển bị chìm thuyền, vớ được gốc cây mục, nương theo nó để vào bờ. Nếu nghĩ rằng nhờ gốc cây này mà mình khỏi chết chìm, rồi ôm gốc cây giữ

nó mãi, đó là quan niệm sai lầm. Đạo Phật không có quan niệm đặt nặng thọ mạng dài ngắn, mà chỉ biết ngày nay có thân, phải biết lợi dụng nó tiến tu cầu giải thoát. Chỉ cần nương nó để tới bờ an ổn, khi tới bờ rồi nó trở thành vô nghĩa. Chúng ta phải hiểu rõ đạo Phật lấy giác ngộ làm chính, chớ không phải giữ thân sống lâu làm chính. Còn những pháp tu ngoại đạo thì đặt nặng sự duy trì thọ mạng lâu dài, nên ai cũng thích, nhưng đâu ngờ ái thân là gốc của luân hồi. Thế nên đạo Phật không bao giờ đề cập đến sống lâu, mà cốt làm sao cho giác ngộ, nghĩa là phải dứt ái, vì gốc của ái là chấp ngã. Nên trong khi tu nếu bị bệnh, nhờ cái bệnh đó thấy thân này sắp hư hoại, không còn luyến ái nó, sẽ được thoát khỏi luân hồi. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Vì thế, mở đầu Tổ Qui Sơn chỉ cho chúng ta thấy có thân là có khổ, vì nó là cái bại hoại.

“Vô thường lão bệnh bất dữ nhân kỳ”. Vô thường ở đây chỉ cho già bệnh chết. Cái già, cái bệnh, cái chết nó chẳng hẹn với người. Chẳng hạn như tôi đây lo tu, lo làm Phật sự nhìn lại thì đầu đã bạc, răng đã rụng! Hòa Thượng Giám Đốc cũng đã từng nói: Tôi còn hai việc phải làm là sửa sang lại Đại Tông Lâm và xây dựng cơ sở phiên dịch, thế mà tuổi tác không cho phép tôi làm. Ngài muốn làm lắm, song thấy vô thường sắp đến không còn làm kịp, vô thường chẳng hẹn với ai cả. Hiện tại tôi hứa hướng dẫn quý vị tu học ba năm, nhưng biết đâu nửa chừng bị ngã bệnh, hoặc cái chết nó đến. Đã biết rõ vô thường không hẹn, thế nên hôm nay làm được việc gì hãy làm, chớ hẹn ngày mai. Đừng nghĩ tôi mới hai mươi tuổi vội gì tu, tôi có thể sống tám mươi tuổi kia mà, chừng già tu cũng chẳng muộn. Nhưng có ngờ đâu mới ba mươi tuổi lặn đùng ra chết, chết rồi làm sao tu? Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật nói điều này rất rõ ràng. Phật hỏi một vị Tỳ Kheo:

- Mạng người sống được bao lâu?

Tỳ Kheo trả lời:

- Mạng người sống được vài hôm.

Phật nói:

- Ông chưa rõ đạo.

Phật hỏi vị khác, vị ấy trả lời:

- Mạng người sống chừng bữa ăn.

Phật cũng nói:

- Ông chưa thấy đạo.

Phật lại hỏi vị khác nữa, vị ấy trả lời:

- Mạng người chỉ trong hơi thở.

Phật nói:

- Ông đã thấy đạo.

Chúng ta thở ra hít vô được thì còn sống, nếu thở ra mà không hít vô thì chết ngay. Đó là một lẽ thật, tất cả mọi người đều chết như vậy. Trong nửa chừng bữa ăn, nếu thở ra mà không hít vô cũng ngã ra chết, thì đâu trọn bữa ăn. Thường chúng ta nghĩ cuộc sống là chặng đường dài bảy tám mươi năm, nếu ngắn nhất là đôi ba ngày hoặc chừng bữa ăn. Nhưng dưới mắt Phật, mạng sống chỉ trong hơi thở. Thế nên còn thở ra hít vô được, thì chúng ta ráng tu, kéo ngày nào đó thở ra mà không hít vô, thì tu không kịp. Nếu cứ lo tính chuyện trăm năm là kẻ si mê không thấy đạo, đức Phật đã chỉ cho chúng ta một lẽ thật. Thấy được lẽ thật là tỉnh giác, không thấy lẽ thật là si mê. Mạng người đã không lâu bền tại sao chúng ta lại hẹn? Nên nhớ rằng vô thường không hẹn với mình, thì mình cũng không có quyền hẹn với ai

hết. Ngày nào còn sống là ngày đó phải hạ thủ công phu để tự lợi, lợi tha cho đầy đủ. Chớ nói ba năm nữa hãy bắt đầu làm việc này việc nọ đó là si mê. Chúng ta phải luôn luôn giác ngộ lẽ này.

“Triêu tồn tịch vong, sát na dị thể. Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô; ngân thọ, tỉnh đằng khởi năng trường cửu”. Ngài diễn tả cảnh vô thường sớm còn chiều mất, chỉ trong khoảng sát na, đã qua đời khác giống như sương mùa xuân buổi sáng long lanh trên ngọn cỏ, nhưng nắng vừa lên là đã tan rồi. Sự sống của chúng ta chẳng khác chi sương đọng trên đầu cành, mới long lanh đó liền khô mất. Ví như cây dựa vực thẳm; có những cây đứng sát bờ sông sâu, chỉ một cơn gió là lật nhào xuống nước, chẳng có chút gì bảo đảm. Mạng sống lại giống như dây bò qua giếng. Trong kinh, Phật dụ có một người phạm tội, bị vua xử voi giày. Khi voi rượt, người ấy cầm đầu chạy, đến một cái giếng liền nhảy xuống vì sợ voi đập. Giếng sâu người ấy thấy sợi dây mọc qua thành giếng, liền nắm dây tuột xuống, giữa chừng, lại gặp ba con rồng phun lửa lên hùng hực, đành bám chặt sợi dây ở lưng chừng. Người ấy tính dựa vào thành giếng để có điểm tựa bảo đảm, song nhìn thấy có bốn con rắn độc lè lưỡi. Bảy giờ kẻ tử tội chỉ đeo sợi dây lơ lửng, lên xuống qua lại đều chẳng được. Oái oăm thay có hai con chuột một trắng một đen thay nhau gặm sợi dây, sắp đứt. Mạng sống của người tử tội thật mong manh làm sao! Thế mà, trong khi bối rối, người ấy ngửa mặt lên bỗng có năm giọt mật rơi vào miệng, vị ngọt của mật làm cho người ấy thích thú quên hết nỗi nguy nan khổ sở mà mình đang đối diện. Thử hỏi người ấy mê đến bậc nào? Phật dùng ví dụ này để diễn tả sự say mê của chúng sanh. Voi rượt kẻ tử tội, dụ cho hành khổ và hoại khổ, tức là vô thường đang bức bách con người đi đến cái chết. Sợi dây bên giếng, dụ cho mạng sống con người quá mỏng manh. Ba con rồng phun lửa, dụ cho ba độc tham, sân, si đang thiêu đốt con người. Bốn con rắn độc, dụ cho bốn đại, đất, nước, gió, lửa không hòa hợp rã tan bất cứ lúc nào. Hai con chuột đang gặm mòn sợi dây, dụ cho ngày và đêm; mỗi giây phút trôi qua là sinh mạng mòn dần... Năm giọt mật dụ cho ngũ dục lạc là tài, sắc, danh, thực, thù, mà người đời đang say đắm, quên đi cái khổ vô thường to lớn đang bức bách con người. Chư Phật và Bồ Tát mười phương nhìn thấy chúng sanh say mê ngũ dục, không nhớ vô thường đang bức bách hoành hành, các Ngài khởi lòng từ bi phương tiện tế độ. Trong kinh Pháp Hoa dụ chúng sanh say mê ngũ dục, như những trẻ con đang ở trong nhà lửa cháy hùng hực, mà cứ mãi mê vui đùa không chịu ra. Ông cha muốn cứu các con khỏi nạn lửa, bèn dụ bằng các món đồ chơi đẹp lạ, các con vì ham đồ chơi, mới chịu ra khỏi nhà lửa. Ở thế gian này có ai nhận thấy mình đang say mê, hay vẫn cứ vỗ ngực xưng ta là người tri thức khôn ngoan? Đang si mê mà chẳng biết mình si mê mới thật là đại si mê. Nếu si mê mà biết mình đang si mê, thì khả dĩ lóe được chút ít trí tuệ. Mạng sống của con người mong manh chẳng khác chi sương đầu ngọn cỏ, cây đứng bên vực sâu, dây bò qua thành giếng, chẳng có chi lâu bền mà tự đắc vui sướng trong cảnh đó. Kẻ nào tự đắc và hài lòng trong cảnh ấy là kẻ đại si mê, không mấy may thức tỉnh. Thế nên Tổ đánh thức cái mê lầm ngàn đời của chúng ta.

“Niệm niệm tán tức, nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yển nhiên không quá”. Mỗi niệm mỗi niệm qua nhanh, chỉ trong thời gian ngắn nhất là một sát na (một niệm), nếu chuyển hơi thở là qua đời sau rồi. Thở ra mà không hít

vào thì thân hiện tại này không còn hoạt động nữa; gió (hơi thở) làm cho cơ thể hoạt động, gió ngừng, hoạt động cũng theo gió mà đứng, tim không đập, máu ngừng chảy, thế là qua một đời. Vậy mà người đời cứ ngồi yên để cho ngày tháng trôi qua. Tổ sách tấn chúng ta: biết rõ cuộc đời là vô thường, mạng sống chỉ trong hơi thở, phải nỗ lực tiến tu, chẳng lẽ ngồi chơi nhàn nhã cho qua ngày tháng, chẳng là ngu dại lắm ư!

Tóm lại, Tổ chỉ cho chúng ta thấy rõ nguyên nhân đưa đẩy con người sanh ra đời, là do nghiệp dẫn, nên không thể tránh khỏi sự đau khổ về nỗi vô thường hư hoại của thân. Sở dĩ con người có ra và tồn tại là nhờ các duyên chung hợp, bốn đại hỗ trợ. Nhưng bốn đại vẫn chống đối nhau khiến thân này tiêu mòn dần... chỉ trong khoảng sát na, một hơi thở ra không hít vào là đã qua đời khác. Vậy thì: “Đâu thể an nhiên để ngày tháng qua suông vô ích”. Lời trách cứ này của Tổ, chẳng khác nào ngọn roi quất mạnh, khiến chúng ta thức tỉnh mà cố gắng tu.

Chánh Văn:

“Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly, bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyền kế tự. Miên ly hương đảng, thế phát bảm sư. Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hồng bất tránh chi đức. Huýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly”

Dịch:

Đôi cha mẹ chẳng dâng ngon ngọt, với lục thân chí quyết bỏ lia. Không thể an nước trị dân, nghiệp nhà trọn không nối dõi. Xa làng biệt xóm, cắt tóc theo thầy. Trong thường nhớ nghĩ công phu. Ngoài rộng mở hạnh hòa kính. Thoát hẳn thế trần, mong cầu giải thoát.

Giải:

Đoạn này Tổ trách những người xuất gia không nỗ lực cố gắng tu.

“Phụ mẫu bất cung cam chỉ”, đối với cha mẹ chúng ta không nuôi dưỡng món ngon vật lạ.

“Lục thân cố dĩ khí ly”. Lục thân là chỉ cho thân bằng quyến thuộc. Theo sách Nho hồi xưa chia ra làm sáu: cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Câu này nói đối với thân bằng quyến thuộc lại cố xa lia.

“Bất năng an quốc trị bang. Gia nghiệp đốn quyền kế tự”. Không thể an nước trị dân, sự nghiệp gia đình chúng ta đều buông bỏ, không nối giòng kế tự

“Miên ly hương đảng”, tức là xa lia làng xóm.

“Thế phát bảm sư”, tức là cạo tóc theo Thầy học đạo.

Đoạn này Tổ chỉ cho chúng ta thấy cái gan dạ siêu xuất của người xuất gia. Thông thường, theo Nho giáo thì cho rằng trách nhiệm lớn lao của người con hiếu là nuôi dưỡng cha mẹ, kế tục sự nghiệp gia đình. Bây giờ chúng ta đi tu là bỏ cha mẹ, bỏ quyến thuộc bạn bè. Đối với quốc gia chúng ta không phải là tôi trung, đối với gia đình thì không sanh con để nối nghiệp. Bỏ lia tất cả để cạo tóc theo Thầy

học đạo, tức là chúng ta không muốn làm theo hạnh nghiệp thế gian mà muốn cái siêu xuất thế gian. Nhưng vào chùa một thời gian, chúng ta lại đi kết tình chị em với người này, kết tình cha mẹ với người kia. Buông cái này bắt cái kia, bỏ cha mẹ ruột để kết tình cha mẹ nuôi với thí chủ. Như vậy xuất gia để cầu cái gì? Có phải cầu luân hồi hay không? Có người lại đi xin một đứa nhỏ về nuôi làm con. Thật vô lý làm sao! Cha mẹ đã không nuôi, con không sanh lại đi nuôi con của người rồi xưng là con mình. Tình chân chính đối với cha mẹ đã cắt đứt, lại đi kết ái từ đâu đâu... Thành ra vào chùa một thời gian lại trở thành thế tục. Như vậy, thật là phản bội với ý nguyện xuất gia của mình, phản bội với lý tưởng cao siêu giải thoát. Mà cái sai lầm này hầu như đầy khắp cửa chùa. Đó là cái vô minh từ vô thi đến giờ nó đang che mờ chúng ta. Đã biết cuộc đời là vô thường, ái là gốc luân hồi sanh tử. Tại sao vô chùa lại cột thêm dây ái khác, để rồi cũng buồn, giận, khóc, than? Như huynh đệ lâu lâu giận nhau cũng khóc... Cứ như vậy ngày qua tháng lại thì tu được cái gì? Giải thoát chỗ nào mà dám xưng ta đây là Thích tử, là người xuất gia, dạy đạo giải thoát, trong khi mình đang bị cột hằng trăm mối phiền não? Quý vị phải nhận thức kỹ điều này. Đừng phản bội lại lý tưởng siêu thoát của mình. Cạo tóc theo thầy học đạo, thì phải làm sao cho xứng đáng!

“Nội cần khắc niệm chi công” tức bên trong phải ghi nhớ phương pháp tu của mình, không bao giờ lơ lửng. Như trong kinh Bát Nhã dạy hàng giờ hàng phút dùng Trí huệ Bát Nhã quán chiếu thấy ngũ uẩn lục trần đều không thật để đừng mê lầm.

“Ngoại hoằng bất tránh chi đức”, tức là bên ngoài mở rộng đức không tranh. Đối với đại chúng phải sống theo tinh thần lục hòa, sống lục hòa mới đúng tư cách của người xuất gia. Bây giờ chúng ta xét lại coi có mấy ai được như thế? Bên trong thì tính đủ chuyện lằng xằng là đã mất “khắc niệm chi công”. Còn bên ngoài thì chỉ hai huynh đệ ở chung nhau cũng không hòa, như vậy thì đâu còn “vô tranh” nữa, mà là “hữu tranh” rồi. Trong loạn tưởng ngoài đấu tranh, sống như thế, thì đạo lý ở chỗ nào? Thế nên người xuất gia chúng ta phải nhớ bên trong không xao lãng tu, bên ngoài sống đúng lục hòa... được vậy thì Tăng đoàn mới vững mạnh lâu dài và đời tu của mình mới có ý nghĩa. Chỉ một câu này thôi cũng quá đầy đủ cho chúng ta tu hành. Chúng ta phải luôn luôn nhớ: Mạng người trong hơi thở, thì có gì đâu mà tranh nhau! Chuyện gì cũng nên xí xóa cho nhau để tu, thời gian đâu có đợi mà ở đó tranh hơn thua, thế mới là người thức tỉnh. Còn ngược lại ở trong chùa mà người ta nói hơn một tiếng cũng không được, thấy ai hành động có vẻ khinh mình là không ưa, cứ chống chọi nhau hết cả thời giờ. Tuy mang hình thức xuất gia mà tâm niệm hoàn toàn thế tục. Tu hành lơ lảo như thế, thì dù một trăm năm cũng chẳng ra gì.

Trong kinh A-Hàm đức Phật có nói bài kinh “Tứ niệm xứ” tức là bốn chỗ nhớ niệm:

1. Quán thân bất tịnh.
2. Quán thọ là khổ.
3. Quán tâm vô thường.
4. Quán pháp vô ngã.

Phật nói bốn pháp đó nếu người nào luôn niệm không quên, thì trong một tháng chứng quả A-La-Hán, trong bảy ngày chứng quả A-Na-Hàm, trong một ngày chứng quả Tu-Đà-Hàm, người nào trong một giờ không quên cũng chứng được quả Tu-Đà-Hoàn. Theo tinh thần Bát Nhã, ở đây tôi có thể nói, người nào hằng nhớ Trí tuệ Bát Nhã một tháng không quên, tức đã vào Thánh địa, một ngày không quên đã bước vào bậc Tam thiên, người nào một giờ không quên đã bước vào Chánh vị. Vì thế, tu là phải luôn luôn như chữ khắc vào đá không mờ, thì tu mới tiến được. Còn chúng ta thì chột nhớ chột quên, một ngày trôi qua chỉ thoáng nhớ vài ba khắc là cùng, vì thế mà tuy tu đã lâu, rốt cuộc cũng chỉ loanh quanh trong phiền não mà thôi.

“Huýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly”, “Huýnh thoát” là ra khỏi, “ký kỳ” là hẹn ngày. Nghĩa là chúng ta nhất định có ngày thoát khỏi cõi trần. Hai câu trước nói bốn phận của người xuất gia, hai câu này khuyên chúng ta lập chí giải thoát, nhất quyết tu đời này cho liễu ngộ, đừng nói rằng: Thôi tu được bao nhiêu hay bấy nhiêu, đời sau tu tiếp nữa. Còn hẹn lần hồi như vậy, đây là người chưa hiểu đạo. Phải nhất quyết đời này thoát khỏi luân hồi sanh tử. Chúng ta nói thế có cao vọng lắm không? Nhiều người cho rằng: Trong kinh Phật nói phải tu ba A tăng kỳ kiếp, còn mình tu một đời này chắc gì giải thoát? Nghĩ như vậy rồi thối tâm, cứ tu lơ là cho qua ngày, sợ rắng tu quá thì đổ nghiệp. Vì thế, khuya thức dậy tụng một thời công phu, kế xuống lo ăn uống, ăn xong lo đi thăm tín đồ hoặc đi lo vài công việc trong chùa, chùng về mệt quá mở radio nằm nghe một hồi, rồi ngủ một giấc, thức dậy lại ăn cơm, ăn xong lại ngủ v.v... Cứ thế mà tiếp diễn ngày này qua ngày khác cuộn tròn trong vòng say mê ấy, hỏi chừng nào mới giải thoát? Trong kinh Pháp Hoa, Phật đã nói: Ngài cùng Bồ Tát Di-Lặc xuất gia tu hành một lúc, mà Ngài thì tinh tấn nên sớm thành Phật, còn Bồ Tát Di-Lặc cứ mãi la cà những nơi sang giàu, nên lần khăn mãi đến nay cũng còn là Bồ Tát. Nhờ tinh tấn mà vượt qua bao nhiêu số kiếp, còn giải đãi thì không biết đến chừng nào? Thuở Phật còn tại thế, cũng có một số Tăng sĩ thấy mình không kham tiến tu được nên xin hoàn tục. Đối với những vị ấy, tuy sống trong thời chánh pháp mà chẳng khác chi mạt pháp, vì không tiến được. Còn chúng ta ngày nay tuy sống trong đời mạt pháp, mà y theo lời Phật Tổ dạy nỗ lực tiến tu, khắc một chữ Tử trên trán, không sợ chết, quyết định tu một đời này cho liễu ngộ, ấy là chúng ta đã chuyển mạt pháp thành chánh pháp. Chánh pháp hay mạt pháp cũng gốc tại lòng mình. Quyết chí tiến tu, ấy là chánh pháp, khởi lòng lui sụt, ấy là mạt pháp. Phật đâu không từng nói: “Người tuy ở xa ta ngàn dặm mà nghe lời ta dạy y cứ tu hành thì chẳng khác nào ở cạnh ta”. Như vậy chúng ta tuy cách Phật hơn 2.500 năm mà y theo lời Phật dạy thực hành thì cũng giống như được sống trong thời có Phật. Sở dĩ nói thời mạt pháp khó tu, là vì chúng ta giải đãi là một, ý chí yếu hèn là hai. Nếu ở thời mạt pháp mà chúng ta lập chí cho vững, tinh tấn không dừng thì mạt pháp đã trở thành chánh pháp.

Thí dụ: xứ mình là xứ nóng, nhưng người xứ lạnh sang đây ở, họ trang bị phòng có máy lạnh thì họ đâu còn thấy nóng nữa. Như vậy họ đã chuyển nóng thành mát, đổi xấu thành tốt. Đó là nói về vật chất huống nữa là tinh thần. Như trong thời khó tu nếu ý chí chúng ta mạnh thì có thể đổi hết. Người có chí việc khó biến thành dễ, người không có chí việc dễ biến thành khó. Vì thế quý vị không nên than phiền, mình sống trong thời mạt pháp khó tu, mà chỉ nên than phiền sao chúng ta lười biếng đua đòi! Như thấy người ta sắm radio nghe vui vui, mình cũng bắt chước

sấm theo; đua đòi như thế tất bị chi phối, khi đã bị chi phối rồi thì việc tu càng ngày càng bê trễ, đó là bệnh của chúng ta chớ không phải bệnh của thời đại. Thời đại cũng là một yếu tố làm cho chúng ta khó tu, song biết đâu nếu chí chúng ta mạnh thì đó cũng là cái hay giúp chúng ta tiến tu. Đừng bi quan vì nghĩ là đời mạt pháp, mà chỉ nên tự thẹn mình không có chí. Vì thế, Tổ dạy chúng ta phải lập chí giải thoát, nhất định chúng ta sẽ ra khỏi cõi trần một ngày gần đây, chớ không để đắm chìm mãi mãi. Chúng ta phải luôn luôn nhớ áp dụng bốn câu này vào đời tu của mình, mới thật là người xuất gia chân chánh.

Chánh Văn:

“Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ Kheo. Đản việt sở tu, khiết dụng thường trụ, bất giải thốn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhi hiệp cúng. Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, dẫn thuyết nhân gian tạp thoát. Nhiên tác nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Năng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh. Thời quang yểm một, tuế nguyệt sa đà, thọ dụng ân phân, thí lợi nùng hậu. Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa, bảo trì huyền chất. Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ Kheo, tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc. Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, tấp nhiên bạch thủ. Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia quý cầu y thực”.

Dịch:

Sao lại vừa mới lên giới phẩm, liền xưng: Ta là Tỳ Kheo. Dùng của thí chủ, ăn của Thường trụ, không biết xét nghĩ của ấy tự đâu đem đến, lại nói càng: lẽ (đương nhiên) phải hiệp cúng. Ăn rồi dùm đầu ồn náo, chỉ nói toàn chuyện tạp thế gian. Song, một thuở đua vui, không biết vui ấy là nhân của khổ. Nhiều kiếp theo trần, chưa từng tỉnh lại. Thời giờ mất mát, năm tháng dần dà. Thọ dụng càng nhiều, thí chủ càng được lợi. Hết năm này sang năm khác chẳng chịu trừ bỏ. Chết chửa càng nhiều chỉ để giữ gìn thân huyền. Đấng đạo sư có lời dạy, nhắc Tỳ Kheo: “Tiến đạo nghiêm thân, ba việc thường chớ đủ”. Người nay phần nhiều mê đắm không thôi, ngày lại tháng qua thoát nhiên đầu bạc. Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên rộng hỏi bác vấn tiên tri. Chớ nói xuất gia trọng cầu ăn mặc.

Giảng:

“Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ Kheo”. Đến đây Tổ cho một roi quá đau. Thọ giới rồi xưng Tỳ Kheo vì sao lại bị quở? Tổ quở đây là quở bịnh ngã mạn. Là người xuất gia phải luôn giữ vững ý chí, bốn phận của mình, bên trong ghi nhớ pháp tu, bên ngoài mở rộng đức lục hòa, luôn luôn có ý chí cầu siêu thoát thế gian. Tại sao mới vừa thọ giới lại xưng ta là Tỳ Kheo, có ý tự cao ngã mạn? Vì thế mà Tổ quở... Rồi thì:

“Đản việt sở tu, khiết dụng thường trụ”. Tiêu dùng của thí chủ bao nhiêu cũng không hài lòng, không biết xấu hổ, tiết kiệm, vì xưng ta là Tỳ Kheo nên mặc tình thọ hưởng của thường trụ. Như vậy thật là trái đạo, đã phản bội ý chí siêu thoát rồi. Đã không biết bốn phận lại nghĩ rằng: Mình thọ giới cao thì có quyền thọ nhận nhiều, mà không biết xấu hổ, không lo nỗ lực tu hành. Đây Tổ lại tiếp tục quở:

“Bất giải thôn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng”. Không biết xét nghĩ của ấy từ đâu đem đến, lại bảo rằng: lẽ tự nhiên phải dâng cúng cho mình. Phật dạy Tỳ Kheo ăn cơm phải “Tam đề ngũ quán”. Nhưng thường chúng ta thấy phần đông chỉ quán lấy lệ, chỉ có hình thức bên ngoài chứ chẳng thật tâm quán tưởng. Ngũ quán tức năm điều quán tưởng, đó là:

1. Xét công mình tu hành được nhiều hay ít, và xét của ấy từ đâu đem đến cúng dường, xem mình có xứng đáng nhận thọ hay không? Nếu không xứng mà thọ công khó nhọc của người thì mang nợ. Vì thế, chúng ta phải luôn luôn nhớ, hổ thẹn mà cố gắng tu hành làm sao cho xứng đáng.
2. Xét lại đức hạnh của mình, được những điểm ưu nào, còn những điểm khuyết nào để sửa.
3. Xét ngừa tâm tham của mình, không để nó xâm lấn. Giả sử lên bàn ăn thấy toàn rau muống luộc rồi sanh ngán, nghĩ đến món ăn ngon. Như vậy là có lỗi tham ăn. Chúng ta phải nhớ ngừa tâm tham ấy chớ đòi hỏi, ăn sao cũng được miễn sống để tu hành là quý rồi.
4. Nên xem việc ăn uống chỉ là món thuốc để trị bệnh. Như khi đói quá thì tay chân rũ liệt, không muốn nói cũng không muốn đi, đó là bệnh chớ gì? Rồi sau khi ăn vài chén cơm thấy khỏe... Vậy cơm là thuốc trị bệnh. Mà đã là thuốc thì dù thuốc đắng thuốc ngọt gì cũng uống, uống cốt để trị bệnh thôi, đừng chê khen gì cả. Nếu chúng ta ăn mà nghĩ ngon dở tức là đã lệ thuộc vào cái lưỡi, chứ không phải ăn để trị bệnh. Nếu ăn để trị bệnh thì dù đắng cay ngon dở gì cũng được, miễn trị được bệnh đói thì thôi.
5. Nghĩ mình tu là quyết định thành đạo nghiệp. Tức phải thể nhập bản thể của mình, kể đó thực hành công hạnh viên mãn, cho nên mới ráng mà thọ món ăn này, chớ chẳng phải no đủ để vui chơi. Chúng ta thấy có rất nhiều người lắm khi nói: ăn thứ này bỏ có thể lên cân, ăn thứ kia lâu ngày sẽ sụt ký... Như vậy đó là chúng ta vì mập ốm chứ chẳng phải vì đạo nghiệp mà ăn. Chúng ta ăn cốt để tu hành thành đạo độ sanh, đó là ý nghĩa mà Phật bắt phải quán trước khi ăn. Thế mà hiện nay có người dám tuyên bố trước đại chúng rằng: “Ăn chay đã quá lắm rồi, tại sao lại phải “tam đề ngũ quán?” Nghe như vậy tôi cảm thấy thực buồn. Bởi vì chúng ta đã sẵn bệnh buông lung, nếu không hằng xét mình thì dễ bị nghiệp lôi, nên Phật bắt chúng ta trong tất cả hành động đều phải tỉnh giác, không để cho thói xấu xâm nhập. Khi ăn chúng ta khởi Tam đề ngũ quán là để xứng với tư cách của người cầu giải thoát. Nếu chúng ta không xét, không nghĩ, vừa ăn vừa cười hỷ hả nói chuyện nhảm nhí thế gian, thì thực là trái đạo. Có người bảo rằng: “Tín đồ cúng là lẽ đương nhiên, tôi tu họ phải cúng cho tôi ăn”. Lý luận như vậy thật là không chịu nổi. Họ có thiếu nợ mình đâu mà phải cúng cho mình? Sở dĩ họ cúng là vì họ muốn châm một ít dầu vào ngọn đèn Tam Bảo, để soi sáng thế gian cho mọi người thoát khỏi mê lầm. Vì chúng ta là những người nhân danh Tăng Bảo, giữ cho Phật pháp thường còn ở thế gian. Tín đồ giúp chúng ta là muốn cho Phật pháp được lâu dài, để chúng sanh được cứu giúp khỏi vòng sanh tử, chớ chẳng phải họ giúp chúng ta ăn chơi. Nhận của tín thí thì phải đủ tư cách của người giải thoát. Bằng tu mà tính chuyện tầm phào, bắt người cúng dường cho mình là chuyện không thể được. Đó chỉ là lý luận của kẻ si mê lầm lạc. Đến câu:

“Khiết liễu tụ đầu huyền huyền, đăn thuyết nhân gian tạp thoại”. Là ăn xong rồi nhóm ba hợp bảy nói chuyện ồn náo, toàn những chuyện tạp nhạp ở thế gian. Tổ quả chúng ta không lo khắc niệm bên trong, ngoài tuyên dương pháp lục hòa mà chỉ nói toàn chuyện thế gian. Tệ đơan ấy hầu như đã lan tràn khắp chùa chiền. Chúng ta ít nghe bàn chuyện giải thoát mà chỉ bàn chuyện lẩn quẩn đầu đầu. Nếu chúng ta cứ bàn chuyện thế gian, mà chuyện thế gian là chuyện trong sanh tử thì làm sao chúng ta thoát khỏi sanh tử được. Chúng ta phải cố gắng làm sao thoát khỏi vòng sanh tử, để rồi chèo thuyền Bát Nhã cứu vớt chúng sanh, đó mới là bản hoài của người tu.

“Nhiên tắc nhất kỳ sấn lạc. Bất tri lạc thị khổ nhân” Song, một thứ đùa vui, không biết vui ấy là nhân của khổ. Trong lúc đuổi theo cái vui, chúng ta đâu biết rằng vui ấy là như đau khổ. Hiện tại chúng ta tưởng bàn nói nhằm nhí, cười đùa đó là vui, nhưng đâu ngờ rằng chính đuổi theo cái vui tạp nhạp ấy là nhân khổ sau này.. Chúng ta chạy theo cái vui sanh diệt thế gian tức không tránh khỏi cái khổ sanh tử ở ngày mai. Nhân sanh diệt tức quả sanh diệt, mà sanh diệt tức khổ não vậy.

“Nặng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh”. Nhiều kiếp rồi chúng ta đã chạy theo trần tục chưa từng có phút giây phản tỉnh. Nếu chúng ta biết phản tỉnh thì đâu đến nỗi phải lang thang trong sáu nẻo luân hồi bao nhiêu kiếp, rồi nay lại bị nghiệp lôi cuốn mà sanh ra đây nữa? Nếu vì nguyên độ sanh mà có ra đây thì đâu có mê muội như thế này? Đã trôi giạt tự bao lâu nay mà không chịu thức tỉnh, cứ chạy theo cái vui thế tục ấy, thì biết bao giờ mới thoát khỏi luân hồi? Ngang đây, quý vị phải cố gắng đừng chạy theo ngoại cảnh sanh diệt mà phải hằng tỉnh giác luôn luôn.

“Thời quang yếm một, tuế nguyệt sa đà”. Thời quang yếm một là thời giờ mất mát, năm tháng dần dà. Ý nói chúng ta không biết phản tỉnh, buông mặc cho thời gian trôi qua, thật đáng tiếc!

“Thọ dụng ân phần, thí lợi nùng hậu”. Thọ dụng của thí chủ càng nhiều, thì lợi của thí chủ càng lớn. Đây là lời cảnh tỉnh lớn lao của Tổ. Nếu chúng ta thọ nhận của thí chủ càng nhiều thì thí chủ được lợi lớn, mà phần mình thì bị tổn giảm. Như trong kinh A-Hàm có đoạn nói: Một hôm Ngài A-Nan nằm mộng thấy có một cái hầm lớn, dưới hầm toàn là người tu, trên miệng hầm có một tấm ván bắt ngang, những người cư sĩ thông thả qua lại trên ấy. Bây giờ Ngài A-Nan mới đem điềm chiêm bao nhờ Phật giải thích, Phật dạy: “Sau nay đệ tử của ta không biết giữ gìn giới pháp, chẳng gắng tu hành, thọ dụng của thí chủ quá nhiều mà không tu nên phải đọa, tức rơi xuống hầm. Còn những người thí chủ phát tâm làm phước cúng dường nên được sanh lên cõi lành, đó là hình ảnh của những người qua lại trên cầu”. Quý vị thấy như vậy có tui không? Chúng ta tu là để độ thí chủ, đặng này trái lại người tu đi xuống, thí chủ đi lên. Họ phát tâm cúng dường thì họ có phước, còn mình không chịu tu thì họa tự mang. Chúng ta phải nên nhớ kỹ điều này. Ở đây Tổ muốn chỉ cho chúng ta thấy, nếu người được nhiều người dâng cấp rồi cho là mình có phước, ý lại vào phước báu của mình buông lung xài lớn, không biết xét nét, chẳng kể nỗi khó khăn khổ nhọc của đàn na, thọ dụng càng nhiều thì thí chủ càng

được lợi mà chính mình lại tổn hại. Thí như người mài dao và viên đá mài. Dao của người mài càng ngày càng bén, mà đá bị mài càng ngày càng mòn. Người thí chủ dụ cho con dao được mài, còn người tu chẳng khác nào viên đá, người nào đến mài dao cũng bén, còn viên đá thì thiệt thời. Thế nên, đừng tưởng người ta cúng nhiều là vinh hạnh, mà phải thấy đó là tiêu mòn phước đức của mình.

Nói như vậy thì sao? Minh có nên thọ cúng không, hay nên tự túc? Đây là chỗ cần chú ý. Có lắm người nghe nói như vậy liền nghĩ: Thôi bây giờ mình phải tự làm để ăn, rảnh lúc nào tu lúc nấy cho khỏi thọ của tín thí, khỏi mang tội, trầm luân. Lý luận như vậy có đúng không? Hình như đa số chấp nhận là đúng. Chúng ta nên cẩn thận, phải hiểu cho tường tận điều này để không quanh quẩn lầm lạc. Đạo Phật chủ trương đi tu là làm khát sĩ làm kẻ ăn mày. Ăn mày đây không có nghĩa là rút rĩa đồng bào, sâu mọt của bá tánh. Ăn mày đây là cốt gây duyên lành cho chúng sanh, chớ không phải vì muốn rút rĩa khiến cho người phải khổ. Bởi vì muốn độ người thì một là mình ban ơn cho họ, hai là họ ban ơn cho mình, đó là kết duyên với nhau. Nếu mình và người không liên hệ gì thì khó mà độ được. Vì là người tu, chúng ta không có của cải để ban ơn cho họ, thì trước mình nhận ăn của họ bằng cách thọ đồ cúng dường, nhưng sau đó mình phải đem giáo pháp của Phật mà bố thí lại. Như thế họ giúp mình cơm áo, mình giúp họ đạo lý, tuy một mặt mình thọ ân, nhưng một mặt mình cũng ban ân. Như vậy trên đường tu tuy thấy mình như thiếu nợ mà thật sự không thiếu. Điều này Phật đã nói rõ trong kinh A-Hàm qua câu chuyện Bà Di Mẫu xin xuất gia: Di Mẫu Ma-Ha Ba-Xà Ba-Đề xin Phật xuất gia, Phật không cho. Bà rất buồn khổ. Thấy vậy Ngài A-Nan bạch Phật: “Thuở xưa, Thế Tôn được sanh ra mới 7 ngày, Mẫu hậu đã mất. Từ đó một tay Di Mẫu nuôi nấng Thế Tôn cho đến lớn khôn, biết bao nhọc nhằn vất vả. Bây giờ Bà xin xuất gia mà Phật không cho, chẳng lẽ Ngài không nhớ ơn sao?”. Phật trả lời: “Chính vì nhớ ơn mà ta đã dạy Bà thọ Tam quy ngũ giới, thế cũng đủ trả ơn rồi”. Như vậy chúng ta thấy cách trả ơn của người tu không phải là đem tiền tài đáp lại, mà chỉ làm sao khiến người biết đạo, mến đạo rồi phát tâm tu hành đó gọi là đền ơn. Thí chủ giúp ta tài sản, ta giúp lại bằng pháp. Cả hai bố thí lẫn nhau.

Giả sử nay chúng ta thọ nhận của người mà chưa từng bố thí pháp cho họ, lỡ họ chết mất chúng ta có nợ họ hay không? Nếu nợ thì làm sao trả đây? Chúng ta nên nhận rõ điều này để tránh khỏi lo âu. Chúng ta nên ý thức rằng chúng ta là kẻ nợ của tất cả chúng sinh, chẳng phải nợ riêng của một người cúng dường ta mà thôi. Vì sao vậy? Khi quý vị tuyên bố xuất gia tức là đã gánh vác cái nợ lớn lao của toàn thể chúng sanh rồi. Vì bản nguyện của người xuất gia là tự cầu giải thoát và cứu độ chúng sanh. Tức chúng ta là người gánh vác đưa đón chúng sanh qua khỏi biển trầm luân, cho nên ai cũng là chủ nợ của mình hết. Vì thế mà tôi dám tuyên bố một câu mạnh mẽ rằng: “Tôi là kẻ nợ của tất cả. Song, lười trả lắm! Ai biết đòi mới trả”. Nhưng cái nợ của người tu khác người thế gian. Ngoài thế gian nợ thì họ kéo lưng, níu áo. Còn nợ của người tu, thì chuyển làm Thầy trò. Như vậy Phật tử cúng dường Tăng Ni, nếu họ chưa được độ trong hiện tại thì trong vị lai họ cũng sẽ được độ, vì họ đã có gieo duyên với Tam Bảo, đã có duyên thì thế nào cũng gặp nhau qua nghĩa Thầy trò, làm Thầy để độ trò, để cứu vớt họ qua khỏi luân hồi sanh tử. Thế nên, nếu là kẻ thực tu, quyết chí cầu giải thoát thì nợ của thí chủ bao nhiêu cũng không sợ, vì đó là gây duyên để độ người. Chỉ những ai nhát nhúa muốn an phận thì mới sợ lẽ đó, rồi nghĩ rằng: thôi mình làm tự túc sống, chẳng dính dáng gì đến ai hết. Phật gọi đó là ích kỷ chứ không phải vì chúng sanh. Nói tóm lại nợ

hay không nợ cũng tại nơi mình. Chúng ta có thể là kẻ nợ chịu nhiều thống khổ nếu chúng ta không thực tu hành, không nhất tâm cầu giải thoát. Ngược lại, chúng ta có thể là người độ thoát chúng sanh nếu chúng ta quyết chí tu hành giải thoát.

Có lắm người quan niệm rằng, phải tu gấp rồi nguyện sanh về một nơi nào đó (cõi Cực Lạc) yên ổn hơn để tu nữa, còn trở lại Ta Bà khổ quá tu không được. Lý luận này rất hay đối với người không nghĩ rằng mình là kẻ nợ của chúng sanh, hoặc tự thấy mình bất lực với hiện tại. Nhưng đối với người có tâm niệm dững mãi, nhất tâm giải quyết sanh tử ngay trong đời này và thệ nguyện cứu vớt chúng sanh, thì thấy việc cầu xin về Cực Lạc là chưa cần thiết. Vì không hợp với tâm nguyện cao đẹp của Bồ Tát, như Ngài Địa Tạng nguyện xuống địa ngục, nếu địa ngục chưa hết người. Ngài thề không thành Phật (địa ngục vị không thệ bất thành Phật). Và có ai gan dạ bằng Ngài A-Nan, Ngài nguyện: Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, Ngài sẽ không nhập Niết Bàn. Chúng ta là Phật tử, học giáo lý Đại thừa, thì ít ra cũng phải nguyện ở nơi Ta Bà, nếu chưa độ hết chúng sanh thì không về Cực Lạc (hay nhập Niết Bàn). Còn như chạy gấp về bên ấy, còn ai ở bên này chịu khổ cũng mặc kệ, thì mình yếu đuối quá. Chúng ta đừng thấy trong sử ghi là có những vị Thiên sư đời sau trở lại làm tướng, làm quan, làm vua hay làm người nữ... Như trường hợp ông Tô Đông Pha trước là Thiên sư sau trở lại làm Tể quan, rồi cho đó là lui sụt. Đâu không nhớ trong kinh Phổ Môn nói: “Ung dĩ Tể quan thân đắc độ giả tức hiện Tể quan thân nhi vị thuyết pháp. Ung dĩ Phạm Vương v.v...” Bồ Tát luôn luôn tùy tha nguyện cầu độ mà các Ngài tùy hình tướng hiện ra để độ, đó là tùy nguyện độ tha, chứ chẳng phải các Ngài lui sụt. Có một số người làm lẫn sợ sệt, kiếp này không độ được thí chủ thì làm sao đây? Chẳng ngờ rằng mình đã nguyện tự giác và độ hết chúng sanh mới thành Phật đạo, thì có gì phải sợ, chỉ sợ chúng ta không dũng mãnh tiến tu, chớ một khi bước vào dòng đạo rồi thì dù cho có thọ của thí chủ bao nhiêu cũng không đến nỗi họa. Vì thế các Thiên sư thường nói: “Dù thọ mỗi ngày một lượng vàng ròng cũng chẳng sao”. Song, chúng ta cũng có thể họa dù thọ nhận rất ít, nếu chúng ta buông lung tâm ý chẳng tự giác ngộ.

“Động kinh niên tải bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa bảo trì huyễn chất”. Trải qua nhiều năm mà chẳng nghĩ lia bỏ (việc thọ dụng quá nhiều). Chứa nhóm như thế để làm gì, chẳng qua cũng chỉ bảo trì thân hư giả này. Chúng ta đã thấy thân này tự tánh nó là không, duyên hợp giả có, thế mà trong chùa khi được đủ gạo ăn lại kiếm thêm mớ tiền, đủ tiền ăn năm này lại lo năm tới, để đau thì có tiền uống thuốc, đi đâu thì có tiền xe, tiền xài cứ thế lo hoài, lo mãi cho thân này mà sự tiến tu thì không có. Chẳng khác nào những kẻ mê lầm ở thế gian, lo cho có sự nghiệp lớn lao, chợt khi vô thường đến ăn năn không kịp, thật là đáng tiếc. Vì thế chúng ta phải hằng thức tỉnh, đừng nghĩ phải làm sao cho sung túc, chỉ cốt làm sao sống tạm qua ngày. Hãy nhớ đến hình ảnh đức Phật khi xưa, một bình bát trên tay, đến đâu thì vào xóm làng khát thực, ai có cho thì ăn, không cho thì bụng trống về ngủ, ngồi thiền cho qua ngày đó, hôm sau lại đi khát thực. Chẳng riêng gì Phật mà cả mấy ngàn Tăng cũng đều như thế. Các Ngài sống không có ngày mai, nhờ thế mà các Ngài luôn nghĩ đến giải thoát. Còn chúng ta vì có ngày mai, tháng tới, năm sau... cho nên quên mất chuyện giải thoát. Chúng ta bây giờ không thể theo hạnh khát thực như xưa mà chúng ta phải tìm kế sống. Vì hoàn cảnh ngày nay khác ngày xưa.

Nhưng chúng ta phải sống thế nào cho hợp lẽ. Chỉ cần nghĩ hôm nay có sống,

ngày mai có sông là đủ rồi đừng nghĩ đến sang năm nữa mà rối loạn, tâm không an định, tâm đã không an thì tu hành khó mà tiến bộ. Đây là chỗ cần yếu phải ghi nhớ.

“Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỷ Kheo. Tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc”. Đạo sư đây là chỉ đức Phật, Phật có lời răn dạy: “Các Thầy Tu muốn tiến tu đạo nghiệp, trang nghiêm pháp thân thì ba việc thường phải chẳng đủ. Ba việc là ăn, mặc và ngủ. Chẳng đủ là hơi thiếu một chút, chớ không phải không ăn không mặc, không ngủ. Đôi khi chúng ta hiểu lầm nghe nói chẳng đủ rồi thức hoài không ngủ, hoặc nhịn đói không ăn...đó chỉ là gốc bệnh. Người thế gian thì ngày ba bữa lại thêm các món ăn chơi, chúng ta ăn ít hơn họ một chút thì sáng ăn sơ sài gọi là tiểu thực. Trưa ăn đầy đầy một chút gọi là ngộ trai. Chiều uống chút bột cho ấm bao tử, ngồi thiền khởi xót ruột, ấy là thiếu đó. Nếu chiều ăn một bữa đầy bụng thì dư rồi. Thiếu một chút đó là để mình “tiến đạo nghiêm thân”. Mặc cho thế gian quần áo nọ, chúng ta chỉ vài bộ vải thô cho ấm thân thôi. Về ngủ, người thế gian bảo phải ngủ 8 tiếng mới đủ sức khỏe, thì chúng ta ngủ khoảng 7 tiếng thôi. Ăn, mặc, ngủ ta đều bớt thì sự tu hành mới dễ tiến. Trên đường tu chúng ta phải luôn nhớ hạn chế bớt ba việc này.

“Nhân đa ư thử đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai tấp nhiên bạch thủ”. Người đời đa số đối với ba việc ăn, mặc, ngủ thường mê thích không thôi. Ngày qua tháng lại, sức nhớ thì tóc đã bạc rồi! Người thế gian đối với việc ăn thì chạy đua tìm món ngon vật lạ. Còn mặc thì nay quần này, mai áo nọ thay đổi luôn luôn. Ngủ thì phải làm sao cho êm ấm, ngủ cho ngon. Suốt cả cuộc đời chỉ lo ăn, mặc, ngủ! Có nhiều người nói có vẻ cao thượng, nào là lo cho gia đình, xã hội v.v... nhưng chung qui cũng vì bản thân mình trước đã, mà vì bản thân mình cũng là vì cái ăn. Nói thế nghe tâm thường quá, song quý vị thử xét lại rồi sẽ thấy trên thế giới này, người ta đã gieo rắc bao thống khổ cho nhau, cũng chỉ vì miếng ăn mà ra cả. Nhân loại vì tranh ăn mà phải đắm chìm trong chiến tranh khổ não chẳng những riêng loài người mà tất cả chúng sanh đều như thế. Hầu hết nguyên nhân các cuộc đấu tranh đều là vì miếng cơm manh áo. Người đời vì say mê theo đó để ngày tháng trôi qua, phút chốc bạc đầu. Còn chúng ta là người thức tỉnh thì phải khác hơn chứ đừng như thế. Nếu cứ mãi lo ăn mặc ngủ mà không chịu tiến tu thì thật đáng hổ thẹn!

“Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia quý câu y thực” Đến đây Tổ quát cho một roi đau điếng. Những người học đạo sau này nếu chưa nghe, chưa hiểu lý đạo thì nên rộng hỏi những vị biết trước mình, để chỉ bày cho mình rõ đạo lý; chứ không phải suốt ngày chỉ lo ăn, mặc, ngủ để đến già chẳng hiểu mảy may. Nếu như thế ấy sẽ bị bảo là người xuất gia mà chỉ vì cầu ăn mặc chẳng ích chi cho mình, cũng chẳng lợi cho người. Vì thấy người tu không ý thức bổn phận của mình, nên Ngài quả trách để chúng ta ráng vươn lên, đừng mãi lẩn quẩn trong vòng ăn mặc như người đời, mà mất hết đạo nghiệp.

Chánh Văn:

“Phật tiên chế luật khởi sáng phát môn. Quý tắc oai nghi tịnh như băng tuyết. Chỉ trì tác phạm thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương cách chư ôi tộ. Tỳ ni pháp tịch tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa

khởi năng chân biệt. Khả tích nhất sanh không quá, hậu hồi nan truy. Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhân khế ngộ”.

Dịch:

Phật trước tiên chế luật để mở mang hạng sơ cơ. Phép tắc oai nghi sạch như băng tuyết. “Chỉ trì tác phạm” để kèm thúc kẻ sơ tâm, điều luật chi li để cải sửa những điều dơ tẻ. Trường giới luật chưa từng học hỏi thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao lãnh hội? Đáng tiếc, một đời luống qua, sau rồi ăn năn đâu kịp. Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền nhân đâu khế ngộ?

Giảng:

“Phật tiên chế luật khởi sáng phát môn”. Tổ dạy chúng ta muốn tu học đúng tu cách người tu phải đầy đủ ba môn học: Giới, định, huệ. Trước, Phật chế luật để mở mang chỉ bày cho kẻ sơ cơ (mông, là kẻ đồng mông, tức sơ cơ).

“Quỹ tắc oai nghi tịnh như băng tuyết”. Chúng ta mới thọ giới thì bao nhiêu oai nghi giới luật Phật chế ra phải cố giữ gìn đúng đắn, trong sạch như băng tuyết.

“Chỉ trì tác phạm thúc liễm sơ tâm”. Thế nào là chỉ trì, tác phạm? Chỉ là trì, là gìn giữ. Tác là phạm. Như trong năm giới của người tại gia, giới thứ nhất là không được sát sanh. Không sát sanh gọi là trì giới, có nghĩa là ngưng việc ấy không làm, tức “chỉ trì”. Còn nếu làm việc ấy gọi là phạm giới, tức “tác phạm”. Vì người mới vào đạo, tâm còn buông lung nhiều nên phải nhờ giới luật để kèm chế, chẳng khác nào dùng lồng để nhốt con khỉ không cho nó chạy nhảy tứ tung. Đây gọi là “thúc liễm sơ tâm”.

“Vi tế điều chương cách chư ỏi tẻ”. Vi tế điều chương là những phần giới luật nhỏ nhiệm. Thí dụ giới của Phật tử tại gia, Phật cấm năm điều; còn giới của Sa di đến mười điều. Mười giới này nhỏ nhiệm hơn năm giới trước, như giới không đeo tràng hoa, ướp nước hoa. Việc làm này có hại ai đâu, nhưng sao Phật lại cấm? Vì đối với Phật tử tại gia Phật chỉ cấm tà dâm, còn đối với hàng xuất gia Phật cấm hẳn việc dâm dục. Nếu còn đeo tràng hoa, ướp nước hoa, còn trang sức, tức nói lên lòng ái nhiễm vẫn còn. Mà lòng ái còn thì tuy giới thô không phạm, nhưng ái vi tế trong tâm có phạm. Lỗi tế không tránh được thì lỗi thô một ngày nào đó có thể sẽ phạm. Phật muốn người xuất gia không phạm giới thô mà cả giới tế cũng không phạm, nên mới chế ra những điều luật nhỏ nhiệm. Tu càng cao thì giới càng vi tế, cốt để tẩy sạch những tâm niệm xấu xa. Như khi mình ăn mặc dơ bẩn thì thấy mình cũng tầm thường thôi, nhưng khi ăn mặc sang trọng, ướp nước hoa thơm phức thì lúc đó thấy mình sang đẹp quá, phải không? Chính khi khởi niệm đẹp và sang trọng đó là nhiễm ái đã sanh. Cho nên chúng ta đừng coi thường những giới luật Phật chế ra, cho rằng không có gì hại lắm. Sở dĩ Phật cấm là để ngừa tâm ái nhiễm của chúng ta, để chúng ta hằng xét lại mình vậy.

“Tỳ ni pháp tịch tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa khởi năng chân biệt”. “Tỳ ni” là chỉ cho luật. “Pháp” là chỉ cho pháp, “tịch” là chiếc chiếu. “pháp tịch” nghĩa là hội nghe pháp ngồi dưới chiếu. Câu này ý nói trường giảng luật mình chưa từng đến thừa hỏi thực hành, thì đối với “liễu nghĩa thượng thừa” làm sao rành rẽ

được. Chúng ta bước chân vào đạo, trước phải lấy giới luật làm sợi dây để cột tâm buông lung vọng tưởng phần nào, kể đó mới đem những giáo lý cao siêu ra ứng tu hành để thoát khỏi mê lầm. Vì thế, ở đây tuy là một Thiền Viện, song cũng phải giữ tối thiểu 10 giới làm căn bản. Có nhiều vị cho rằng tu thiền cần gì giữ giới? Quan niệm của tôi thì không như vậy. Nếu tâm chúng ta được nhất như thì giới luật cũng bằng thừa. Nhưng tâm còn xao động, còn đang chạy theo sáu trần mà không có giới luật làm sao ngăn nó nổi? Giới luật chẳng khác nào hàng rào của Tu viện vậy. Hàng rào có cổng khóa đang hoàng thì trong khó ra, mà ngoài cũng khó vào, nhờ vậy mà hạn chế được tâm phóng túng. Sau đó mới học cách tọa thiền ngồi yên một chỗ. Đến khi nào tất cả trong chúng đây tâm tâm niệm niệm lúc nào cũng ứng dụng Bát Nhã, hoặc dùng Bát Nhã chiếu soi chẳng phút giây quên, hoặc hằng sống với tâm nhất như không bao giờ loạn động, thì lúc đó có hàng rào của Tu viện cũng bằng thừa. Còn bây giờ tâm mình còn loạn, ngồi lại thì nhớ người này, nghĩ việc nọ, nên phải cần có hàng rào để ngăn chặn, bớt những cái nghĩ tưởng sằng bậy của chúng ta. Cũng vậy, giới luật là hàng rào để gìn giữ thân tâm. Muốn đạt đến chỗ cao siêu trước phải lấy giới luật làm căn bản lúc sơ cơ, sau ứng dụng liễu nghĩa thượng thừa mới dễ thành tựu.

“Khả tích nhất sanh không quá hậu hồi nan truy”. Đáng tiếc một đời luống qua, về sau hồi hận khó kịp. Nếu chúng ta vào chùa mà cứ chạy theo ăn mặc, ngủ nghỉ, không học luật cũng chẳng hiểu đường lối tu hành, cứ để một đời trôi qua, sau ăn năn không kịp. Vì thế, nay khi còn khỏe mạnh đầy đủ sức lực, chúng ta phải nghĩ đến sự giải thoát cho chính mình và cứu độ chúng sanh mà nỗ lực tiến tu. Như vậy dù sống 40,50 tuổi thôi cũng có giá trị. Còn trái lại dù sống đến 100 tuổi cũng không có ý nghĩa gì.

“Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhân khế ngộ”. Giáo lý chưa từng học hỏi huân tập, thì huyền đạo làm sao mà khế ngộ được. Ở trước, Tổ quả chúng ta không học luật giữ giới, đến đây Tổ quả chúng ta không học giáo lý (tức kinh điển của Phật). Bởi vì có lắm người cạo tóc xuất gia vào chùa, mà chỉ biết có việc đầu hôm Tịnh độ khuya công phu, cho đó là đủ. Như thế để ngày tháng dần qua, chỉ lấy việc công quả bình thường cho là tròn bổn phận, đâu ngờ cái đó chỉ là việc lơ láo qua ngày. Đến phút tắt hơi mới thấy mình mờ mịt chẳng rõ lối đi. Vì thế, người có chí xuất gia trước phải hiểu rành luật lệ của Phật dạy, kể đến hiểu sâu giáo lý thì mới mong tiến trên con đường cao siêu giải thoát. Chữ “huyền đạo” đây có nghĩa giáo lý cao siêu của Phật, mà cũng có nghĩa là tông chỉ của Thiền Tông. Tu học có ba môn giới, định và huệ. Giới, định, huệ là ba môn then chốt, người vào đạo không thể thiếu được, thiếu ắt không rõ đường đi. Đây Tổ trách chúng ta về lỗi không tu học.

Chánh Văn:

“Cập chí niên cao lập trưởng, không phúc cao tâm, bất khảng thân phụ lương bằng duy tri cứ ngạo, vị am pháp luật, tập liễm toàn vô, hoặc đại ngữ cao thanh xuất ngôn vô độ. Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà la môn hội tụ vô thù. Oản bát tác thanh thực tất tiên khởi. Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư động tha

**tâm niệm. Bất tôn ta ta quý tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm
hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu”.**

Dịch:

Đến lúc tuổi đời đã cao, tuổi hạ cũng lớn mà bụng rỗng tâm cao, chẳng chịu nương gần bạn lành chỉ biết một bề kiêu ngạo. Chưa thông kinh luật, sự thúc liễm trọn không, hoặc lớn tiếng to lời nói năng vô độ. Chẳng kính trọng trung hạ tọa, khi tụ họp giống Bà la môn không khác. Khua bát ồn ào, ăn rồi dậy trước. Đi đứng ngang càn, Tăng thể trọn không, ngồi đứng lảng xảng khiến người động niệm. Chẳng gìn mây phép tắc, chút oai nghi. Lấy gì thúc liễm hậu sanh, tân học nương đâu bắt chước?

Giảng:

“Cấp chí niên cao lập trường, không phúc cao tâm”. Tổ quả người xuất gia mà không chịu học đạo nên mắc phải lỗi lớn là “bụng rỗng tâm cao”, tức ngã mạn. Nghĩ mình ở chùa lâu nên xem thường những kẻ mới xuất gia trong khi mình thì “bụng trống”. Nhưng lỡ lớn tuổi rồi nếu đi học với người nhỏ thì mắc cỡ. Vì thế mà:

“Bất khảng thân phụ lương bằng duy tri cứ ngạo”. Không chịu gần gũi những bằng hữu tốt, chỉ biết một bề kiêu ngạo. Tóm lại, tuy ở trong chùa lâu, mà không hiểu rành Kinh luật, không rõ đường lối tu hành, nhưng đi học với người khác thì sợ đệ tử cười, nên chỉ ôm lòng ngạo nghễ chứ không chịu gần gũi học hỏi với ai cả.

“Vị am pháp luật tập liễm toàn vô”. Vì chưa hiểu pháp, không thông luật nên không biết phương cách để tự thúc liễm. Do không biết thúc liễm lấy mình thì:

“Hoặc đại ngữ cao thanh xuất ngôn vô độ”. Tức là lớn tiếng to lời, nói năng vô độ. Tổ quả những người xuất gia ở chùa mà nói năng rồn rảng, ung nói gì thì nói, không biết dè dặt chừng mực, không biết nói lời đức độ khiêm nhường... Do cái lỗi không chịu học luật nghe pháp vậy.

“Bất kính trọng trung hạ tọa Bà la môn hội tụ vô thù”. Không biết kính những bậc thượng trung hạ tọa, khi tụ họp lại giống Bà la môn không khác. Khi xưa, các vị Bà la môn mỗi khi tụ họp thì ai đến trước ngồi trước ai đến sau ngồi sau, không biết kính người lớn cũng chẳng tôn trọng người đức hạnh, gặp đâu ngồi đó không có thứ tự. Trong nhà Phật thì không thế. Người có giới đức thì ngồi trên người ít giới đức hơn. Vì sao đạo Phật chủ trương bình đẳng mà ở đây lại phân cao thấp, thứ lớp như vậy? Đạo Phật bình đẳng trên lý nhân quả, chứ không phải bình đẳng bằng sự ép buộc hay khỏa bằng ai cũng như ai. Người nào có nhân tốt hơn tức được quả tốt hơn. Thí dụ ở thế gian một ông thợ rèn rèn được 5 con dao thì được 50 đồng, còn một ông khác cần mẫn hơn rèn được 7 con dao thì được 70 đồng, hơn như thế thì quả như thế, đó là bình đẳng. Cũng vậy, một vị tu 10 năm thực sự có giới đức phải trên người chỉ tu có 7 năm, tùy theo hơn quả mà đoán định. Đôi khi chúng ta chấp vào hai chữ bình đẳng rồi thấy trong chùa bất bình đẳng, nhưng thật sự trong chùa căn cứ trên nhân quả mà sự sắp đặt có sai biệt, tuy sai biệt mà

bình đẳng, bình đẳng mà sai biệt. Chủ trương của đạo Phật là như vậy. Nếu chúng ta không học giới luật, không biết đạo thì làm sao chúng ta biết kính người có đức hạnh, do đó mà khi tụ hội chẳng có thứ lớp giống như Bà la môn. Tổ lại tiếp tục quở:

“Oản bát tác thanh thực tất tiên khởi”. Khi ăn thì khua chén bát nghe rổn rảng, lua húp ào ào, ăn xong buông chén đứng dậy đi không có trật tự, không chờ đợi ai hết.

“Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô”. “Khứ” là đi, “tựu” là đến. “Quai giác” là trái chọi nhau. Nghĩa là đi đứng trái lẽ, ngang càn không đúng pháp, không có đủ tư cách của một ông Tăng. Lại thêm:

“Khởi tọa chung chư động tha tâm niệm”. Thuở xưa ở Trung Hoa các Thiền viện (còn gọi là Thiền đường hay Tăng đường) là chỗ ở của chư Tăng, trong đó có kê giường san sát nhau để nằm nghỉ, và khuya đến giờ thức chúng thì toàn chúng đều thức dậy và ngồi thiền trên đơn của mình. Ngồi thiền phải ngồi cho hết giờ, nếu nửa chừng mà xả ra đứng dậy khua lộp cộp, thì làm động niệm người bên cạnh. Sở dĩ có những hành động thô tháo như trên đây là do không rành luật lệ, chẳng biết oai nghi nên:

“Bất tôn ta ta quĩ tắc, tiểu tiểu oai nghi. Tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phủng hiệu”. Không còn một chút phép tắc, một mảy may oai nghi thì lấy gì dạy dỗ kẻ sau, người mới học nương đâu bắt chước? (Nếu có bắt chước cũng chỉ toàn những chuyện sai lầm) Tự mình đã không có tư cách phép luật thì làm sao dạy dỗ người khác được? Thế mà:

Chánh Văn:

“Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn Tăng. Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tôn thô tháo. Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần, nhắm nhiệm nhân gian toại thành sơ dã. Bất giác lũng chủng lão hủ, xúc sự diện tường. Hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn. Túng hữu đàm thuyết bất thiệp điển chương. Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phần khởi, ngôn ngữ cai nhân”.

Dịch:

Vừa mới được người cảnh giác liền xung: Ta là “Sơn Tăng”. Chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, cứ một bề giữ tánh thô tháo. Sở dĩ thấy biết như vậy, chỉ vì tâm ban đầu biếng nhác và theo thói ham ăn mê ngủ. Dần dà theo đời hóa thành thô kệch. Chẳng hay lóng cọng yếu già, gặp việc xây mặt vào vách. Hậu học thưa hỏi không biết lời chỉ hướng dẫn. Dầu có giảng nói cũng không hợp với kinh điển. Nếu bị khinh chê liền trách hậu sanh vô lễ. Tâm sân nổi dậy, lớn tiếng nạt người.

Giảng:

“Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn Tăng”. Ở Trung Hoa tăng sĩ có hai thành phần. Một là những vị sư ở kinh đô vì gần Vua và dân chúng đông đảo nên giữ oai nghi nghiêm chỉnh. Hai là những vị sư ở núi vì ít người lai vãng nên tự

do, không giữ gìn oai nghi. Vừa được người nhắc nhở liên xung “Ta là Sơn Tăng” mà không chịu nhận lỗi để sửa. Đó là lỗi chông thêm lỗi.

“Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tinh tòn thô tháo”. Bởi chưa từng nghe lời Phật dạy để tu hành nên trong lòng còn giữ một bề thô tháo. Chỉ tính toán chuyện thế gian, tuy xuất gia mà chẳng hợp đạo tí nào.

“Nhu tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đoạ, thao thiết nhân tuần”. Sở dĩ có thấy biết như vậy chỉ vì ban đầu lười biếng, không chịu học luật, học giáo lý, chẳng biết tu hành mà chỉ lo ăn, ngủ. Thật là tệ hại!

“Nhằm nhiệm nhân gian toại thành sơ dã”. Nghĩa là dần dà theo đời, hóa thành quê kệch. Hai câu này nếu dịch thoát văn một chút thì tôi nói là xách dù đi lang thang, chuyên đến những nhà thế tục bèn thành kẻ quê mùa. Vì mãi đi lang thang xóm này, làng nọ thì giờ đâu mà học hỏi giáo lý, thì giờ đâu mà thúc liễm thân tâm? Nói đến đạo lý thì mù tịt, không phải quê mùa dốt nát là gì?

“Bất giác lũng chung lão hủ, xúc sự diện tường”. Bất chợt cái già lụm cụm đến, gặp việc liền xây mặt ngó vào vách.

“Hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn. Túng hữu đàm thuyết bất thiệp điển chương”. Hậu học thưa hỏi không có lời gì tiếp dẫn. Nếu có nói ra cũng không hợp với kinh điển. Vì ở chùa lâu được tôn xưng là Thượng tọa, Sư bà. Bây giờ được người thưa hỏi thì không biết lời gì để giải đáp. Đôi khi túng quá, không nói, sợ nó cười, nên nói đại nói càn chẳng hợp với kinh điển. Thế mà:

“Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ. Sân tâm phần khởi, ngôn ngữ cai nhân”. Hoặc bị khinh chê liền trách hậu sanh vô lễ. Tâm sân nổi dậy, lớn tiếng át người. Kẻ hậu sanh vì thấy hàng tu lâu là thông suốt nên đến hỏi, chẳng ngờ mình nói bậy, nó biết nên nói : “Thầy nói vậy e làm chẳng?”. Vừa nghe thế liền nổi giận trách liền: “Hậu sanh vô lễ”. Đã “Sân tâm phần khởi” thì “ngôn ngữ cai nhân” là mắng nạt đuổi đi. Đoạn này Tổ nhằm vào cái khuyết điểm của người xuất gia không lo tu học mà quở trách. Đây, Tổ nói tiếp hậu quả của người không tu học.

Chánh Văn:

“Nhất triêu ngọa tạt tại sàng, chúng khổ oanh triền bức bách, hiểu tịch tư thốn tâm lý hồi hoàng. Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng. Tùng tư thí tri hồi quá, lâm khát quật tỉnh hề vi”.

Dịch:

Một mai bệnh nằm trên giường, mọi thứ đau đớn vây quanh bức bách. Sớm tối lo nghĩ, trong lòng lo sợ bồi hồi. Đường trước mịt mờ chưa biết về đâu. Bây giờ mới biết hối hận ăn năn, đợi khát đào giếng sao kịp?

Giảng:

Đền đây Tổ dùng lời trách thật thống thiết. Một hôm đau nặng nằm liệt giường, lúc ấy các khổ dồn đến ép ngặt: thân thể đau nhức, cổ họng tắt nghẽn... chừng ấy

mới suy nghĩ lại mấy chục năm nay mình đã làm những gì? Tu tiến thế nào? Có lợi ích gì cho ai? Thì chỉ thấy mình là con số không. Bây giờ trong tâm hoảng sợ, đường trước mặt mờ mịt nào biết về đâu? Thật là khổ! Chùng ấy mới biết ăn năn nhưng đã muộn rồi, đợi đến khát nước mới lo đào giếng thì sao cho kịp? Vì thế bây giờ còn trẻ có duyên tốt xuất gia, lại may mắn gặp những nơi giảng kinh dạy đạo thì phải ráng nỗ lực học hỏi tu hành, khả dĩ mới tránh khỏi lỗi lầm này.

Chánh Văn:

“Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cụ. Lâm hành huy hoắc, phạ bố chương hoàng. Học xuyên tước phi thức tâm tùy nghiệp. Như nhân phạ trái, cường giả tiên khiên. Tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụ”.

Dịch:

Hận mình sớm chẳng lo tu, đến lúc tuổi già nhiều điều tội lỗi. Khi sắp rời bỏ cuộc đời sự sống tan rã nhanh chóng, trong lòng khiếp sợ kinh hoàng. (Giống như) lùa thủng chim bay, (cũng vậy) tâm thức theo nghiệp. Như kẻ mắc nợ, ai mạnh kéo trước, trong tâm nhiều mối, nặng đâu sa đó.

Giảng:

Đến đây tôi giải thích kỹ cho toàn thể quý vị nghe và nhận được yếu chỉ tu hành, để đến phút chót mình cố tự chủ. Đối với người thường không biết tu hành chỉ lo chạy theo danh lợi, khi sắp chết họ tự kiểm điểm thấy mình không có phước đức, nên tâm hoảng sợ không biết mình sẽ ra sao? Đi về chỗ nào? Tâm hãi hùng tay chân co rút, không làm chủ được mình. Khi ấy nếu tắt thở, thì thần thức nơi thân liền xuất ra.

Chữ “Học xuyên” Phật ví dụ như cái hủ ngoài có tấm lụa bịt miệng, trong hủ có con chim. Nếu tấm lụa thủng thì con chim sẽ bay ra chỗ nào nó thích. Cái hủ bịt miệng ấy dụ cho thân tứ đại của chúng ta, khi thân sắc uẩn hư hoại. Tâm thức liền tùy nghiệp mà đi, nghiệp nào nặng thì lôi mình đi trước. Thế thì thái độ của người tu khi chết phải làm thế nào? Trong kinh Phật dạy: khi sắp chết phải được tự chủ. Nếu tu về pháp môn niệm Phật thì nhớ niệm Phật, tu pháp môn trì chú thì nhớ câu chú. Còn chúng ta tu thiền thì sao? Lúc ấy không nhớ gì hết phải không? Nếu không nhờ phương tiện gì cả thì lúc ấy hoảng hốt làm sao tự chủ? Thực sự, nếu người tham thiền đầy đủ nghị lực, khi chết họ sẽ cười. Chỉ có người chưa đủ nghị lực mới sợ. Cũng như người niệm Phật khi đến chỗ nhất tâm bất loạn rồi, thì khi chết sẽ vui tươi, vì thấy mình đầy đủ công đức, nhắm mắt là được Phật rước. Người tham thiền cũng thế, khi thấy được tánh, đạt được đạo thì có gì mà sợ hãi? Như Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ khi có người hỏi:

-Đối với vấn đề sanh tử Ngài nghĩ sao?

Ngài đáp:

“Trường không túng sử song phi cốc
Cự hải hà phòng nhất điểm âu?”

Dịch:

“Giữa trời phỏng có đôi vành chuyễn
Biển cả ngại gì hòn bọt con”.

Với hư không vô cùng tận thì hai vành xe trong ấy nào có nghĩa gì? Một hòn bọt nào có đáng gì với biển cả mênh mông! Hai vành xe dụ cho sanh tử, khi chúng ta đã đạt được pháp thân thì vấn đề sanh tử trở thành vô nghĩa. Lại nữa, pháp thân chẳng khác nào biển cả, còn sắc thân huyễn hóa này chẳng khác nào hòn bọt. Bọt tan trở về biển nào có lo gì? Vậy thì có gì sợ hãi? Chỉ ngại chúng ta biết bọt mà không biết biển thì mới lo sợ. Vì thế mà đa số Thiền sư ngộ đạo rồi, đối với vấn đề sanh tử các Ngài xem như trò chơi. “Ư chư sanh tử bất quan hoài”, đối với vấn đề sống chết chẳng còn để lòng nữa. Lúc đó là xong, cần gì phải nghĩ mình đi đâu. Đây là chủ yếu của Thiền Tông. Tổ Qui Sơn khi sắp tịch, có người hỏi:

- Hòa Thượng sau khi tịch về đâu? Ngài đáp:
- Ta sẽ làm con trâu dưới núi, trên lưng có đề 4 chữ “QUI SƠN LINH HỤU”. Khi ấy gọi Qui Sơn là phải, hay gọi con trâu là phải?

Quý vị chưa thông hiểu thiền lý, nghe chuyện này ắt hoảng hốt sanh nghi. Ông già tu hành bao năm đã được tôn làm Tổ, mà chết làm trâu thì nguy quá, tu hành như mình chẳng biết sẽ ra sao? Thông thường chúng ta quan niệm người tu chết thì phải về cõi Phật hoặc thành Thánh mới được, ai ngờ Ngài nói sẽ làm con trâu Ngài Nam-Tuyền cũng nói tương tự như vậy. Chúng ta lúc nào cũng thấy trên là Thánh dưới là phàm, muốn bỏ phàm theo Thánh, mà còn thấy Thánh là còn thấy hai. Sự thật thì không hai, đây chỉ là phương tiện giả lập trong vòng tương đối mà thôi. Vì thế đối với những vị đạt đạo thấy Phàm Thánh không hai thì nói thế nào? Thôi, làm con trâu vui vậy. Nhưng nói thế chớ các Ngài có làm trâu đâu, chỉ cốt để phá cái chấp phàm Thánh của chúng ta thôi. Bọt tan về biển, chớ hỏi về đâu? Vừa khởi nghi hỏi là đã sai rồi. Nếu còn có chỗ về tức là còn hòn bọt, bởi vì bọt mới trôi giạt Đông Tây, chứ khi bọt tan đồng với biển cả thì ai thấy được chỗ về? Nếu thực tình chúng ta đã gột sạch bản ngã, dứt được tâm phàm Thánh thì có lo gì, chỉ ngại chúng ta không dứt được mà thôi. Chẳng những Thiền sư nói bọt tan về biển mà chính đức Phật đã từng giải thích về điều này: Có một vị Tỳ Kheo chứng A-La-Hán, khi vị này tịch, một Tỳ Kheo khác hỏi Phật:

- Bạch Thế-Tôn, vị Tỳ Kheo này sau khi tịch sẽ đi về đâu?
- Phật đáp:
- Vị này sau khi tịch chẳng khác nào như củi hết lửa tắt.

Thật đơn giản. Chính chỗ củi hết lửa tắt này khiến lắm người không hiểu và đâm hoảng, nghĩ rằng đến đây rồi chẳng còn gì nữa. Thật sự, ở đây củi là dụ cho nghiệp, lửa dụ cho sanh tử. Nếu nghiệp đã hết thì sanh tử đâu còn. Bậc đã chứng A-La-Hán, dứt sạch nghiệp thì đâu còn sanh tử, đó là giải thoát, nên nói: như củi hết lửa tắt. Chính đức Phật khi còn tại thế có người đặt câu hỏi: “Bạch Thế-Tôn, sau khi tịch rồi, Ngài còn hay không còn?”. Phật không đáp mà gác qua một bên cho rằng câu hỏi vô lý. Tại sao vô lý? Vì theo quan niệm của thế gian thì hoặc là có hoặc là không. Nếu có thì phải có hình tướng, nếu không thì là không ngờ. Cho nên Phật không đáp còn hay không, vì nếu đáp còn thì người ta sẽ nghĩ đến hình tướng thế này thế nọ, mà Phật là đã giác ngộ thoát khỏi vòng luân hồi sanh diệt thì đâu có hình tướng. Còn nếu đáp không, thì họ sẽ tưởng là không ngờ, cả hai đều là bịnh, bịnh chấp “thường”, chấp “đoạn” chúng sanh luôn thấy có hai, còn bậc giác ngộ thì không còn thấy có hai nữa. Đối với hàng Thánh giả mà hỏi sau khi tịch đi về đâu là điều vô lý. Vì một khi thể nhập pháp thân rồi thì tràn đầy pháp giới, tùy

duyên ứng hóa, đâu hạn cuộc chỗ nơi nào, không thấy đi cũng không thấy có chỗ để đi, đây mới thật là giải thoát. Chỉ những người còn lẩn quẩn trong vòng sanh tử, thì Phật mới thọ ký cho họ sau khi chết sẽ về chỗ nào đó trong lục đạo, tùy theo nghiệp của mỗi người. Nếu còn chỗ đi ấy là còn luân hồi. Nay quý vị hỏi: Tu Thiên chết đi về đâu? Nếu tôi nói chết đi về đâu tức tôi chỉ quý vị luân hồi. Mà ở đây tôi muốn quý vị làm sao thể nhập được pháp thân, tùy duyên ứng hóa. Điểm thiết yếu của người tu là cốt được vô sanh, vô sanh tức nhập Niết-bàn. Niết-bàn thì không có hình tướng, nhưng đừng nghĩ là nó không ngơ, nói không ngơ là rơi vào đoạn mà nói có tướng tức lạc vào thường. Cả hai đều là bệnh. Chỉ có người thể hội được mới rõ, chứ không thể giải thích theo lối chấp hai của thế gian mà hiểu được.

Ở đây tôi giải thích thêm một điểm ngờ vực nữa của người thế gian. Người thế gian cho rằng mọi người đều riêng có một linh hồn là cái tính linh khôn ngoan sáng suốt, mà đã khôn ngoan thì sao lại chịu vào nơi khổ? Ai cũng nghĩ rằng sau khi chết linh hồn mình sẽ sinh ra làm người nữa và chấp chặt cho linh hồn đó là mình. Đạo Phật thì gọi đó là tâm thức. Cái tâm thức này tùy theo chỗ huân tập thiện ác mà đến, chứ không cố định. Vì không cố định nên nó không phải là cái khôn ngoan biết lựa chọn, mà chỉ tùy nghiệp mà thôi. Tâm thức khác linh hồn ở chỗ đó. Nếu nói chúng ta có linh hồn thì sẽ tưởng như đó là một tinh thần duy nhất, nếu là duy nhất cố định thì thiện ác, mãi mãi không thay đổi. Nhưng, tâm thức chúng ta luôn luôn biến chuyển, gần người lành thì hấp thụ điều lành, gần kẻ ác thì hấp thụ điều ác. Như vậy, tâm thức là một dòng thiện ác, sinh diệt, chính dòng thiện ác đó sẽ đưa chúng ta đến chỗ lành hay dữ, nghiệp nào nặng sẽ lôi mình trước, đó là ý nghĩa “trọng xú thiên trụ”.

Tóm lại, Tổ chỉ cho chúng ta thấy người tu nếu không tu đến nơi đến chốn, mà một bề chạy theo danh lợi, khi lâm chung thân thức vừa ra khỏi thân liền bị nghiệp lôi, nghiệp nào nặng thì sẽ lôi mình trước. Nếu thiện mạnh thì sẽ lôi mình đến chỗ lành, nhưng hưởng phước lành hết thì sẽ rơi vào chỗ dữ. Nếu ác mạnh sẽ lôi đến chỗ dữ trước, trả hết nghiệp ác rồi mới tới chỗ lành, đây là tuần tự mà trả nợ, nhưng tùy chủ nợ mạnh yếu mà lôi kéo chúng ta đến trước hay sau. Đây là chỗ chúng ta cần lưu ý.

Chánh Văn:

“Vô thường sát quỉ, niệm niệm bất đình, mạng bất khả diên, thời bất khả đãi”.

Dịch:

Vô thường sát hại, niệm niệm không dừng. Mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi.

Giảng:

Đây nói quỉ vô thường giết người mỗi niệm mỗi niệm không dừng. Mạng sống không thể kéo dài hơn, cũng không thể chờ đợi được. Như bây giờ quý vị lỡ làm một công việc gì đó chưa xong, nay hấp hối sắp chết thì quý vị có thể hẹn với quỉ vô thường rằng: “Làm ơn đình lại cho tôi làm xong việc rồi sẽ chết” được không? Nhất định là không thể hẹn. Nhưng có một chuyện hơi lạ tôi kể lại cho quý vị nghe chứ không phải phê phán. Có một Thiền sư trong hội Ngài Diên Quang làm chức tri sự vì bận quá nhiều việc nên Ngài không có thời giờ tu tập. Hôm đó bất chợt

quý vô thường đến mời Ngài đi. Ngài bèn nói: “Mấy năm nay tôi bận lo việc chúng không có thì giờ tu, nay ông làm ơn cho tôi hẹn bảy ngày lo xong việc của tôi, chừng ấy ông đến tôi sẽ sẵn sàng đi. Quý bảo: “Đề tôi về thưa lại với Diêm chúa nếu được tôi không trở lại, bằng không tôi trở lại rước Ngài liền”. Suốt trong 7 ngày đó Ngài nỗ lực tu, hết hạn quý vô thường đến tìm Ngài mà không thấy. Câu chuyện này tôi không thể phê bình thật hay không thật, nhưng kể ra cho quý vị thấy trong trường hợp này có thể đình nhưng cũng chỉ hẹn 7 ngày thôi.

Chánh Văn:

“Nhân thiên tam hữu ưng vị miễn chi, như thị thọ thân phi luận kiếp số”.

Dịch:

Ba cõi trời người chưa thoát khỏi thì cứ như vậy thọ thân số kiếp không thể tính bàn.

Giảng:

Ấy chỉ vì lỗi không nỗ lực tu hành, mãi tạo nghiệp cho nên phải chìm đắm trong luân hồi, lang thang trong sáu nẻo.

Chánh Văn:

“Cảm thương thân nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ Thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi, lược thân quang kiến dĩ hiểu hậu lai. Nhược bất quyên cặng, thành nan luân hoán”.

Dịch:

Cảm thương than thở, đau xót cực lòng, đâu thể im lờn nên cùng nhau nhắc nhở. Tội vì sanh vào thời mạt pháp, cách Hiền Thánh đã xa. Phật pháp lờn thối người tu đa số biếng nhác. Thế nên, lược bày chỗ thấy cạn hẹp của mình để khuyên bảo người sau. Nếu không bỏ tánh kiêu căng, thì thật khó mong chuyển đổi.

Giảng:

Sau khi chỉ rõ lỗi lầm xong, đến đây Tổ nhắc nhở sách tấn chúng ta tu hành. Ngài thấy chúng ta si mê quá nên lòng rất thương xót nói lên những lời thật thống thiết để cảnh tỉnh chúng ta, thật là lòng từ vô hạn. Người xưa phần đông đều đồng mãnh chỉ có một ít không cố gắng mà Ngài còn than trách như thế. Huống là chúng ta ngày nay đa số đều giải đãi, ngồi thiền có một giờ đồng hồ, mà đã loạn cuồng cả lên, đâu sánh được với người xưa cả ngày đi, đứng, ngồi nằm đều Thiền. Đôi khi lại hiểu Phật pháp hết sức sơ sài rồi đem những tà thuyết ra truyền bá, khiến cho Phật pháp ngày càng lu mờ. Xưa Phật làm một đàng, giờ chúng ta đi một ngã. Tôi nói đây không phải để kích bác, mà cốt để xây dựng những cái lệch lạc của đa số người tu hiện tại. Như đức Phật hồi thuở xưa Ngài đâu có đi đám ma, chẳng riêng đức Phật mà ngay cả 1250 vị đệ tử của Ngài, Ngài cũng chưa từng bảo ai đi đám ma cả. Thế mà các chùa ngày nay thì đi đám liên miên. Như một chùa có 1000 tín đồ, thỉnh thoảng có người này đau, người kia chết, rồi phải đi thăm, đi đám, cúng 49 ngày...hết gia đình này đến gia đình khác. Cứ loanh quanh như thế làm sao có

thì giờ gạn lọc tâm tư, thì giờ đầu tu tập thiền quán? Thấm thoát một đời qua, sự nghiệp tu hành nhìn lại nào có gì đâu??? Đến chừng sắp chết thì kêu thiên hạ độ mình, còn ngày thường thì mình mắc “độ thiên hạ”! Là Phật tử, chúng ta đi con đường của Phật hay đi con đường nào? Đây là sự thật khá đau lòng. Tôi cũng biết Phật giáo ngày nay đã mang nặng màu sắc “tín ngưỡng”, nhưng chúng ta cũng nên đặt tín ngưỡng đúng chỗ thanh cao thì hay, còn để cho tín ngưỡng đi quá đà nó sẽ thành những hình thức khô khan, biến Tăng sĩ thành những ông Thầy cúng. Đây là điều làm lẩn của chúng ta vậy. Nếu chúng ta thật tâm cầu giải thoát thì phải tạo cho mình một khung cảnh đơn giản, tránh bớt những xả giao phiền toái, giữ gìn những nghi lễ trang nghiêm mới đúng tinh thần Phật pháp. Như vậy mới là người vì đạo, thương mình và dẫn dắt tín đồ. Nếu không được như thế thì e rằng mình đã làm lại làm lầm lay cho người.

Đến đây Ngài nói thật khiêm nhường. Ngài lược bày chỗ thấy nhỏ hẹp của mình để mà nhắc nhở người sau, mong người sau dẹp trừ tánh kiêu căng ngã mạn để tự sửa thì mới có thể tiến được. Bằng không dẹp trừ tánh ngã mạn thì không thể chuyển hướng được.

Chánh Văn:

“Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu”.

Dịch:

Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục. Nói thanh giòng Thánh, hàng phục quân ma, nhằm đền trả 4 ân, cứu giúp 3 cõi.

Giảng:

“Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương”. Chữ “phương” nghĩa hẹp là chỉ cho địa phương, nghĩa rộng là chỉ cho tam giới. Nghĩa là khi đã phát tâm xuất gia chúng ta phải ý thức rằng mình sẽ thoát ra khỏi tam giới, không còn kẹt trong vòng sanh tử nữa.

“Tâm hình dị tục”. Mấy chữ này thật vô cùng cô đọng. Hình dị tục thì chúng ta dễ nhận rồi như đầu tóc, mặc áo nhuộm... Còn tâm dị tục là thế nào? Người thế gian thấy tư tưởng là thật, thân này là thật, tất cả cảnh vật chung quanh đều là thật, nên họ mê làm và đắm chìm trong ấy. Còn người xuất gia thì thường dùng trí tuệ Bát nhã quán chiếu thân tứ đại là không, ngoại cảnh sáu trần đều huyền hóa...Hoặc giả với tinh thần Nhị thừa thấy tất cả sự vật hiện có đều là vô thường, khổ, không v.v...đó là “tâm dị tục”. Tâm người thế gian và người xuất gia khác nhau là như vậy. Nhưng bây giờ có lắm người xuất gia mà tâm không dị tục, nghĩa là cũng thấy thân cảnh đều thực, cho nên cũng muốn kinh doanh, tạo sự nghiệp gì đó ở đời. Như thế, thân tuy xuất gia mà tâm chẳng khác người thế tục. Cho nên người xuất gia chúng ta phải nhìn lại mình, thấy thân đã khác tục thì phải cố gắng làm sao cho tâm cũng khác tục. Nếu chỉ khác hình thức mà tâm không khác thì chưa phải là người xuất gia. Tổ chỉ dùng bốn chữ cô đọng “tâm hình dị tục”, nhưng đã nói lên được hoài bảo của người tu là vượt ra khỏi tam giới để:

“Thiệu long Thánh chủng” tức nối tiếp hạt giống giác ngộ. Người xuất gia là người thấp sáng ngọn đuốc chánh pháp, soi đường cho kẻ lầm mê, vì thế phải có tâm giác ngộ, khác hẳn thế tục mới có đủ khả năng làm cho hạt giống Thánh được tiếp nối và hưng thịnh nữa.

“Chân nhiếp ma quân” là nhiếp phục ma quân, khiến chúng khiếp đảm. Chữ “ma quân” có nhiều người hiểu lầm, tưởng là con ma có hình tướng, có nanh vuốt dễ sợ lắm. Nhưng ma quân trong nhà Phật thì có nhiều thứ. Ở đây tôi lược nói hai thứ thôi, đó là nội ma và ngoại ma. Nội ma là những gì làm chướng ngại tâm thanh tịnh của mình như tham, sân, si đều gọi là ma. Thí dụ đang ngồi thiền bỗng nhớ khi nãy cô kia nói mình một câu nặng quá. Cái nhớ đó là ma, nó làm mình mất thanh tịnh. Ngay khi đó mình dừng lại không cho nó nghĩ tiếp đó là hàng phục ma. Hoặc thấy cửa rơi mà không lấy ấy là nhiếp phục ma tham. Hoặc có ai vô cớ trêu chọc, sắp nổi nóng lên liền nghĩ: nóng giận là bậy, nghĩ vậy nên nén xuống bỏ qua, đó là nhiếp phục được ma sân. Vì thế chúng ta ngồi thiền trông im lìm nhàn hạ mà thật sự khi ấy chúng ta đã tranh đấu một cách mãnh liệt với ma quân, khi ấy chúng ta là người dũng sĩ lâm trận chứ đâu phải ngồi chơi thong thả như người làm tướng. Một cuộc chiến vô hình mà vô cùng phức tạp gay go. Như thế gian đánh giặc họ dàn trận ra, hai bên thấy nhau trận chiến là lẽ thường. Còn giặc của chúng ta là ẩn núp chẳng có nơi chôn giếm, chỉ đợi chúng ta sơ hở một tí là nhảy vô liền. Vì thế cuộc chiến đấu thật trường kỳ chẳng biết bao giờ mới thái bình. Giặc quá nhiều mà chúng ta lại không biết rõ mặt mũi chúng, những chú giặc ấy hoặc quá khứ, hoặc vị lai, nào chuyện mới, chuyện cũ... cứ hàng hàng lớp lớp nhảy ra tấn công mình. Vì thế chúng ta phải gan dạ và chăm chăm nhìn nó, nếu lơ là nó sẽ chiếm mất gia bảo của mình. Cho nên người xưa nói: “Việc xuất gia chẳng phải là việc của tướng võ có thể làm được”. Như vậy người xuất gia đánh giặc hơn cả tướng cầm quân chứ đâu phải thường. Giả sử muốn cất một ngôi chùa mấy vị phải đi quyên góp tiền bạc suốt ba bốn tháng trường mới tạo được ngôi chùa, như vậy cũng nhọc nhằn đấy, song đâu có khó bằng ngồi thiền tranh đấu với chúng ma. Có người thấy ngồi thiền im lìm một chỗ cho là tiêu cực yếm thế chẳng giúp ích gì được cho ai, họ đâu biết chính lúc ấy phải tranh đấu hết sức gay go. Vì vậy mà phải có thể ngồi thật vững chắc, để nhìn nó mới thắng nó nổi. Nếu lơ là nó sẽ tràn ra mãi, rồi có ngày chúng ta sẽ mất quyền làm chủ. Muốn khôi phục lại ngôi vị của mình thì phải đánh hết bọn ma ra ngoài. Đó là nhiếp phục nội ma. Giờ nói đến ngoại ma. Ngoại ma có nhiều thứ như: tử ma, ma ngũ dục, thiên ma v.v... Nhưng ngoại ma không nguy hiểm bằng nội ma. Sở dĩ ma ngoài xâm nhập tâm của chúng ta được cũng do bọn ma bên trong móc nối. Thí dụ ngoại ma là ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù. Nếu tâm chúng ta không còn nhiễm ái, không còn tham tiền, không ham ăn uống, ngủ nghỉ thì ma ngoài dù có rủ rê cũng không được. Lòng tham dục lắng xuống tức thời ma ngoài tự tiêu. Kế đến là loại ma vì nghiệp phải làm quý. Loại ma này thường nhiều hại người tu bằng cách khi chúng ta ở nơi vắng vẻ, nó liền hiện hình hay biến tướng lạ để quấy phá. Khi thấy những tướng quái lạ ấy chúng ta phải làm sao? Như trong đoạn đối đáp của vua Trần Thánh Tông với Tuệ Trung Thượng Sĩ, có câu:

“Kiến quái bất kiến quái

Kỳ quái tất tự hoại”.

Nghĩa là thấy quái đến mà mình không quái thì quái tự tiêu. Đến đây chúng ta nhớ lại chuyện Phật trị ma dưới cội Bồ-đề trước giờ thành đạo. Ngài chẳng dùng

ấn chú gì hết. Khi ma hiện trăm thứ kỳ quái, Ngài chỉ giữ tâm an nhiên không động, một hồi lâu ma tự xấu hổ rút lui. Tâm không động là thắng ma, còn sợ hãi thì ma thắng mình. Trong khi ngồi thiền nếu trường hợp ma hiện đến, mở mắt thấy sợ thì nhắm mắt lại, nếu còn thấy sợ nữa thì nên quán tưởng thân này do tứ đại hợp thành, mà thể tánh của tứ đại là không, sáu trần đều huyền hóa thì sợ cái gì? Tưởng một hồi thì tự nhiên nó mất, chẳng cần bùa chú gì cả. Sở dĩ có một số người ngồi thiền phát điên cuồng là do thấy những tướng lạ đâm hoảng hốt, sợ hãi. Giả sử đang ngồi thiền an tịnh, bỗng có ai thỉnh linh đi tới, lúc đó nghe tim đập thình thịch muốn xuất mồ hôi hột. Vì lúc ngồi yên những tiếng động bên ngoài có tác động gấp mười lần khi chúng ta đang động. Thế nên khi ngồi yên mà phát sợ thì nó tác động tinh thần, nếu động quá độ sẽ loạn lên mà phát cuồng. Quý vị nên nhớ kỹ điều này, để tránh tai hại trong khi tu thiền. Một trường hợp nữa cũng có thể điên được, như khi đang ngồi thiền bỗng thấy Phật đến xoa đầu thọ ký rằng: “Ông sẽ thành Phật một ngày gần đây”. Bấy giờ mừng quá la lên, cũng thành cuồng loạn. Tâm động thấy Phật thấy ma gì cũng là bệnh. Nên trong nhà thiền thường nói: “Phùng ma sát ma, phùng Phật sát Phật” là ý này. Thấy ma thấy Phật gì cũng đều tưởng đó là bóng dáng không thật, tưởng như vậy thì hình ảnh ấy sẽ biến mất, không nên phát tâm mừng rỡ hay kinh sợ, mà chỉ giữ tâm an tịnh. Đa số người ngồi thiền thường ở trong trạng thái nửa tỉnh nửa say, lúc ấy vọng tưởng dấy lên thành những giấc chiêm bao với những hình ảnh tạp nhạp, rồi cho là ngồi thiền thấy này, thấy nọ...đó là trạng thái sắp ngủ gục. Nếu lúc ấy sự tỉnh, mở mắt sáng lên thì những hình ảnh ấy sẽ mất, nếu là ma thật thì mở mắt vẫn còn thấy. Vì thế điểm cốt yếu là chúng ta phải nhiếp phục ma trong, thì ma ngoài không nhiều hại được. Nếu ma trong không dẹp, thì dù có bùa chú gì vẫn bị ma dẫn đi như thường. Chi bằng ta dẹp sạch ma trong, tâm an định thì dù ma có đến cũng mặc nó, ta vẫn là ta, ấy là hay nhất. Chinh phục ngoại cảnh đầu bằng chinh phục nội ma, chinh phục mình mới là điều gay go nhất. Ngồi thiền là để tự chinh phục ma, lũ ma vọng tưởng đã dẫn dụ chiếm đoạt cái ngôi vị làm chủ của mình từ bao nhiêu kiếp.

“Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu”. Nhiếp phục được ma quân rồi, mới có thể đem công đức tu hành mà đền đáp bốn ân, cứu giúp chúng sanh trong ba cõi. Nếu việc mình chưa xong mà lo đền ơn đáp nghĩa...thì chưa chắc đã đền đáp được gì, đôi khi còn chướng ngại đường tu nữa. Tóm lại, Tổ nhắc nhở người xuất gia trước phải lập chí giải thoát, tâm chớ giống người thế tục, kể làm sáng tỏ chánh pháp và nhiếp phục ma quân. Người như thế mới khả dĩ trên đền đáp bốn ân, dưới cứu giúp ba cõi.

Chánh Văn:

“Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí”.

Dịch:

Nếu chẳng như thế, xen lẫn trong chúng tăng, ngôn hạnh hoang sơ, luống hao của tín thí.

Giảng:

Nếu chẳng làm được những điều kể trên thì chỉ là kẻ lẫn lộn, làm ô danh chúng tăng, chứ chẳng phải là người chân chánh xuất gia. Chữ “lạm xí” có nơi giải thích là “điều thử Tăng” tức ông thầy chim chuột. Nghĩa là dụ như con dơi gặp chim thì nó xòe cánh ra, bảo: tôi đây là chim, gặp chuột thì hất xé cánh lại nói: tôi đây là chuột. Ông thầy chim chuột là ông thầy cạo đầu mặc áo nhuộm trông giống người tu mà tâm chí thì lạng quạng gặp chim làm theo chim, gặp chuột làm theo chuột. Sống như thế đó gọi là “lạm xí tăng luân”. Phần đông tu sĩ bây giờ là thế ấy, thường là “điều thử tăng” hay có chỗ gọi là “phóc cư sĩ” tức là ông cư sĩ trọ đầu. Tuy đầu trọ mà tâm niệm thì thế tục, làm tăng mà không có tâm hạnh của người xuất gia, lời nói việc làm không phù hợp chánh pháp, nên gọi là cư sĩ trọ đầu. Người như thế chỉ luống ăn tiêu của tín thí mà chẳng lợi ích gì cho đạo. Hãy tự kiểm vậy!

Chánh Văn:

“Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị”

Dịch:

“Chỗ đi năm trước, tác bước không rời, lơ lảo một đời, lấy chi nương tựa”.

Giảng:

Chúng ta thấy có người xuất gia được 20 năm, 30 năm rồi, thế nhưng năm thứ nhất thì Phật tại tiền, năm thứ hai Phật thăng thiên, đến năm thứ ba, thứ tư...cho đến năm 30 thì chẳng còn thấy Phật. Thế là càng tu càng lùi. Tôi thường nói rằng người tu giống như kẻ chèo thuyền ngược nước, ngược gió. Trong trường hợp đó phải thế nào? Nếu quý vị có cảm thấy quá mệt mỏi thì nên cắm sào bỏ neo đậu lại, đợi nghỉ ngơi cho khỏe rồi tiếp tục chèo, chớ chẳng nên buông chèo mặc nó trôi giạt đến đâu cũng được. Như vậy đâu có ý nghĩa chèo thuyền ngược dòng nữa. Chúng ta là kẻ đi ngược dòng đời, thế gian mê ta tỉnh, thế gian đắm chìm trong ái dục, chúng ta là người giải thoát khỏi dòng ái dục. Vì thế, chúng ta phải luôn cần mẫn, vững tay chèo mới có cơ tiến nổi, bằng chúng ta lơ là ắt dòng đời như thác lũ kia sẽ kéo phăng chúng ta trở lại dòng sanh tử. Chúng ta phải tự xét lại coi, từ khi xuất gia đến giờ trải qua 5,10 năm rồi đã tiến được bao nhiêu hay vẫn còn nguyên chỗ cũ? Có người thậm chí còn lùi nữa, thì than ôi, đời tu nào có ra gì! Thật đáng hổ thẹn! Thật là : “Lơ lảo một đời, lấy chi nương tựa?” Tổ cho một roi đau đینگ như vậy để chúng ta hổ thẹn, nhớ lại bản phận của mình mà cố gắng.

Chánh Văn:

“Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan. Giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo. Tiện nghi đoan nhiên cũng thủ, bất quý thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khác tự. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô ti.”

Dịch:

Huống nãi đường đường tăng tướng, (sáu căn đầy đủ) dung mạo dễ xem. Sở dĩ được như thế là do đời trước đã gieo trồng căn lành nên đời này mới cảm quả báo

thế ấy. Lại chỉ biết ngồi sừng khoanh tay, chẳng tiếc thì giờ. Đạo nghiệp không nỗ lực chuyên cần thì công quả do đâu thành tựu? Chẳng những đời nay luống qua, đời sau cũng sẽ vô ích.

Giảng:

“Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, giai thị túc thực thiện căn cảm tư dị báo”.

Chúng ta ngày nay được mang thân người, sáu căn đầy đủ, lại được xuất gia hình tướng như Phật. Đó là do đời quá khứ đã gieo trồng căn lành, đời nay mới cảm được quả báo tốt như vậy. Nhìn quả hiện tại biết nhân quá khứ. Cũng vậy, nhìn nhân hiện tại, biết quả vị lai. Thế nên đời nay đã được duyên lành thì phải làm sao nữa, chứ chẳng lẽ:

“Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ bất quý thốn âm, sự nghiệp bất cần công quả vô nhân khắc tựu”. Chỉ biết ngồi sừng khoanh tay ngu ngơ qua ngày tháng, thì chẳng những đời này không lợi ích mà đời sau cũng không chỗ tựa nương. Ngài Hiếp tôn giả suốt đời lưng không dính chiếu, Tổ Bá Trượng: “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”. (Một ngày không làm, một ngày không ăn). Chúng ta ngày nay vào chùa thọ lãnh của thí chủ thì nhiều mà không siêng tu phước huệ, không biết tiếc thì giờ, một mai cởi áo cà sa, lui mất thân người, thì thật là đáng tiếc!

“Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tì”. Đời này không có công đức gì làm sao đời sau được tốt đẹp, Tổ Qui Sơn có tâm lão bà tha thiết, Ngài quả rầy xong lại quả rầy. Thật là đáng miệng khô môi, chỉ vì muốn cho con cháu đời sau được nên người xứng đáng.

Chánh Văn:

“Từ thân quyết chí phi tri, ý dục đặng siêu hà sở. Hiểu tịch tư thốn, khởi khả thiên diên quá thời”.

Dịch:

Từ giả thân quyết, quyết chí mặc áo nhuộm là ý muốn vượt đến chỗ nào? Sớm tối lo nghĩ, đâu thể dần dà để thời giờ qua mất.

Giảng:

Đây Tổ nhắc lại bổn phận của người xuất gia, nhắc lại ước nguyện ban đầu của mình khi từ bỏ cha mẹ, anh em vào chùa mặc áo nhuộm để chi? Chúng ta xuất gia là vì lý tưởng cao siêu giải thoát, chứ đâu có ai nghĩ vào chùa để tìm chỗ an thân! Thế nhưng, dần dà chúng ta quên mất bổn phận của mình. Vì vậy, ở đây Ngài nhắc chúng ta phải sớm tối suy nghĩ, phải thường tự hỏi: “Tại sao mình đi tu?” Thường nghĩ nhớ lại tâm nguyện xuất gia ban đầu để nỗ lực vươn lên, chứ không nên bỏ lửng, ăn rồi giỡn cười để ngày giờ qua mất.

Chánh Văn:

“Tâm kỳ Phật pháp đồng lương, dụng tác hậu lai qui cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiếu phần tương ưng!”

Dịch:

Lòng tự hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau. Thường xét nghĩ như thế mà còn chưa được chút phân tương ưng.

Giảng:

Tổ nhắc chúng ta nên xét lại ý nguyện xuất gia của mình. Khi xuất gia là trong lòng đã kỳ hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau, chứ không phải để ăn tiêu của tín thí, không phải để làm con một đực chùa. Hằng xét nét như thế mà còn chưa phù hợp được một phần nhỏ của sự xuất gia thay, huống là tu bao nhiêu năm mà không biết mình phải làm cái gì, thì thật là tệ! Mà muốn thực hiện được ý nguyện đó thì phải:

Chánh Văn:

“Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bạng ư kê cổ, hình nghi đĩnh đặc, ý chí cao nhàn”.

Dịch:

Nói ra phải hợp với kinh điển, luận bàn phải noi theo gương mẫu người xưa, hình dung đĩnh đặc, ý chí cao nhàn.

Giảng:

Nêu thực tình chúng ta muốn làm rường cột cho Phật pháp, làm mẫu mực cho người sau, thì nói ra lời gì cũng phải phù hợp với kinh điển, với lời Phật ý Tổ. Phải nói đúng đắn chân thật, chẳng nên nói bướng, nói đùa hay đặt điều nói bậy. Về thân tướng thì phải trang nghiêm, đi đứng chỉnh tề; ý chí phải thên thang siêu thoát, chẳng nên có những ý tưởng thấp thỏi, tầm thường. Tổ chỉ dạy thật tường tận từ ngôn ngữ, hình nghi cho đến ý chí... Chúng ta phải cố gắng như lời Tổ dạy mới xứng đáng là Sa Môn Thích tử, là người chơn chánh xuất gia.

Chánh Văn:

“Viễn hành yếu giả lương bằng, sắc sắc thanh ư nhĩ mục, trú chỉ tất tu trạch bạng, thời thời văn ư vị văn. Cố vân, sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu”.

Dịch:

Đi xa cần nương bạn lành để thường gạn lọc tai mắt. Trú ở cần nên chọn bạn, thường được nghe điều chưa nghe. Nên nói: sanh ta là cha mẹ, tác thành nên ta là bạn bè.

Giảng:

Chúng ta ra đi tìm Thầy học đạo cốt phải nhờ bạn lành, Thầy tốt khiến tai mắt chúng ta được trong sạch, được nghe lời hay, thấy được cái đẹp. Khi dừng ở cần phải chọn bạn chọn Thầy, gần được Thầy hay bạn tốt, chúng ta mới nghe được điều lợi ích chưa từng nghe, Bằng gần ông Thầy không hơn mình, bạn lại chẳng tốt thì dầu ở chung ngàn năm cũng chẳng lợi gì, đôi khi lại còn lui sụt. Nên người tu cần phải chọn thầy, chọn bạn là như thế. “Sanh ta là cha mẹ, làm nên ta là Thầy

bạn”. Đây là sự thật không nghi ngờ gì hết. Vì chúng ta có được hình vóc vẹn toàn này là từ cha mẹ mà có, nhưng chúng ta có được trí tuệ, hiểu biết những điều siêu xuất thế gian lại chính nhờ Thầy bạn nuôi dưỡng bồi đắp mà nên. Nhờ Thầy bạn chúng ta mới thành người hữu ích cho chính mình và cho chúng sanh. Riêng tôi, nay được biết đạo lý giảng dạy thế này hoàn toàn là nhờ thầy bạn, chứ cha mẹ thì không thể làm được. Có nhiều người không may khi phát tâm xuất gia mà không gặp Thầy hay, bạn tốt, nên ở chùa năm, mười năm hay hai, ba mươi năm rồi, vẫn lần quần cũng chỉ trong hai thời khóa tụng, thật là tội nghiệp! Điều này cũng do phước duyên của mỗi người, chứ thật ra lúc phát tâm đi tu, vào chùa gặp đâu ở đó, có biết đâu mà chọn. Vì thế, chúng ta có phước duyên được gặp Thầy chỉ dạy nên người hữu dụng thì công ơn ấy thật vô cùng to lớn.

Chánh Văn:

“Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận”.

Dịch:

Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không thấy ướt áo mà dần dần thấm nhuận.

Giảng:

Như buổi sáng sớm có sương chúng ta đi ngoài trời, tuy không thấy sương rơi ướt áo, nhưng một lát sau cảm thấy hơi sương ướt lạnh lạnh. Cũng thế, được gần gũi Thầy lành, bạn tốt, không phải chúng ta được lành tốt ngay, nhưng sống gần gũi lâu ngày tự nhiên có sự nhuận thấm. Nói đến đây tôi nhớ lại Thầy tôi là Hòa Thượng Viện Trưởng, Ngài trách tôi: “Thanh Từ thuở xưa không khác nào cục sắt do tôi mài dũa nay được thành cây kim, giờ lại không ưng ý làm việc gì hết”. Thật đúng như thế, nay tôi được hữu dụng cho Phật pháp cũng nhờ công thầy uốn nắn lo lắng hoàn toàn từ vật chất đến tinh thần. Vì thế, đời tu chúng ta nên gặp Thầy lành bạn tốt là điều may mắn, cần thiết cho sự tiến tu của chúng ta.

Chánh Văn:

“Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân, nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục”.

Dịch:

Gần gũi kẻ ác, thêm ác tri kiến, sớm tối tạo ác, trước mắt chịu quả báo, chết rồi phải trầm luân. Một phen mất đi thân người, muôn kiếp khó tìm lại được.

Giảng:

Đây là lời cảnh cáo, nếu không chịu gần gũi Thầy lành bạn tốt cố gắng tiến tu, mà chỉ gần gũi kẻ ác thì hậu quả sẽ thảm hại như thế, sẽ mãi mãi trầm luân chịu mọi thống khổ, một phen mất thân này muôn kiếp khó tìm lại. Tổ thật từ bi chỉ dạy chúng ta từng li từng tí, chỉ cốt mong sao chúng ta thành người hữu dụng.

Chánh Văn:

“Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai? Tiệm năng tháo tâm dục đức, hồi tích thao danh, uẩn tổ tinh thần, huyền hiêu chỉ tuyệt”.

Dịch:

Lời thẳng trái tai, há chẳng ghi lòng đó sao? (Có thể) mới hay rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh, chứa nhóm tinh thần, xa lánh ồn náo.

Giảng:

“Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai?”. Lời nói thẳng thường trái tai, tuy trái tai song phải ghi lòng, có thể mới tiến được. Bây giờ Tổ mới bắt đầu vào việc tu hành.

“Tiệm năng tháo tâm dục đức. Hồi tích thao danh, uẩn tổ tinh thần, huyền hiêu chỉ tuyệt”. Người tu trước phải rửa tâm nuôi đức, kể đến ẩn hành tung chôn vùi tên tuổi để chứa nhóm tinh thần cho trong sạch, muốn thế phải xa lìa chỗ ồn náo. Sở dĩ chúng ta không thể gọi rửa tâm hồn, nuôi dưỡng đức hạnh cũng chỉ vì, một phần là hiện tượng sờ sờ, hai là tên tuổi thiên hạ đều biết. Vì hiện tượng sờ sờ nên ai thấy cũng mời, nay đi chỗ này, mai đi chỗ nọ, đi mãi thì làm sao có ngày giờ để gọi rửa tâm thần? Vì thế người tu thường ở núi rừng xa vắng, cốt để người không gặp, tên tuổi chẳng ai biết đến, thì mới có cơ hội uẩn tổ tinh thần. Ngay như tôi khi xưa suốt mấy năm lặn lội làm việc này việc nọ, lúc ra đây nếu tôi không tuyên bố nhập thất chắc cũng không làm gì được. Vì ai thấy cũng mời, thì rảnh rang đâu lo việc của mình? Nhờ ẩn đi không ai biết tên thấy mặt, mới từ từ nuôi dưỡng cái cao siêu của mình, mới gọi rửa dần những cấu bợn nơi mình, rồi sau mới có thể làm được đôi chút lợi ích thật sự cho người. Cứ mãi hòa trong cái ngàu đục thì biết đến bao giờ mình mới trong? Vì thế, bây giờ tôi chỉ xin hẹn với quý vị là ba năm sau đừng ai biết đến tôi. Vì mấy năm nay những gì tôi dung chứa, gột rửa tôi đã chỉ hết cho quý vị rồi, thì giờ đây tôi phải tiến nữa chứ không thể dừng một chỗ được.¹ Người tu phải khéo sắp đặt cho mình một hoàn cảnh thuận tiện để tiến tu, chứ không thì mãi lẩn quẩn trong vòng ngàu đục của thế gian mà chẳng được ích lợi gì.

Chánh Văn:

“Nhược dục tham thiên học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khởi ngộ chân nguyên”.

Dịch:

Nếu muốn tham thiên học đạo, là môn vượt ngoài phương tiện, thì trong phải hợp với mé huyền và nghiên cứu tường tận cái tinh yếu của đạo. Chọn lựa được chỗ thâm sâu rồi mới có thể khai ngộ được nguồn chơn (tức bản tánh).

Giảng:

¹ Sở nguyện như thế mà hoàn cảnh không cho phép thực hiện

Người tham thiền học đạo trước phải rõ đây là pháp môn vượt ngoài phương tiện. Tại sao lại thế? Như trong kinh Phật dạy quán sở tức hoặc quán từ bi hay quán bất tịnh v.v... thì tất cả phương pháp tu ấy đều có danh ngôn hình tướng tức là phương tiện. Sao đây lại nói pháp môn không phương tiện? Tôi xin nói lược rồi sẽ chỉ kỹ ở sau. Tổ Bồ Đề Đạt Ma khi sang Trung Hoa, Ngài thấy chư Tăng thời ấy chuyên về văn tự mà không rõ lý đạo, nên Ngài mới dạy một pháp môn gọi là “Giáo ngoại biệt truyền” là truyền ngoài giáo lý, để dứt khoát không còn kẹt trong văn tự nữa. Rồi: “Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”. Kiến tánh là gì? Có phải kiến tánh là thành Phật, là có thần thông... hay không? Sao có nhiều người nói thấy tánh mà chẳng thấy có thần thông gì hết? Nếu hiểu như vậy là chúng ta đã bị chữ nghĩa làm rối rắm, sự thật không phải như vậy. Đây tôi phân tích để quý vị rõ. Như trong nhà Thiền, khi người học đạo hỏi một câu, được các Thiền sư hoặc đáp, hoặc đánh, hoặc la hét v.v... nhờ đó người hỏi được ngộ. Vậy “ngộ” là ngộ cái gì? Có thành Phật chưa?. Chính “ngộ” là thấy đạo hay “kiến tánh”, tức thấy được chân tánh bất sanh bất diệt của mình. Nhận ra mình có bản tánh bất sanh bất diệt rồi, nhìn lại thấy rõ thân này cho đến vũ trụ đều là pháp sanh diệt, huyễn hóa. Đã là huyễn hóa thì đâu có đại đột gì đấm nhiễm chạy theo. Từ đó tiến tu mãi không lùi thảng đến quả vị Phật, chứ không phải kiến tánh là thành Phật ngay. Kiến tánh là nhơn, thành Phật là quả, thảng một đường không trải qua một ngôi vị nào khác, nên gọi giáo lý này là tối thượng thừa. Phật đã nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, đó là sự thật. Chỉ vì chúng ta chưa tin được nên không là “Phật sẽ thành”. Kiến tánh là chủ yếu của người tu. Vì có kiến tánh mới có thể thành Phật được, nên Tổ chỉ thẳng vào tâm mà không dùng phương tiện. Chỉ cái nào sanh diệt thì đừng theo, cái nào không sanh diệt thì hằng sống, đó là không dùng phương tiện. Như trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: Chư Phật ra đời cốt chỉ cho chúng ta nhận được “tri kiến Phật” của chính mình. Các Tổ Thiền Tông cũng chỉ cho chúng ta nhận được cái sẵn có đó. Và, chính tôi giảng kinh đây cũng cốt làm sao cho quý vị nương nơi kinh mà thấy được cái sẵn có nơi mình, chùng ấy bản hoài của tôi đã trọn. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Kinh là ngón tay chỉ mặt trăng”. Như quý vị mới tập tu vào chùa, quý Thầy dạy đếm hơi thở, rồi niệm Phật trì chú hay quán bất tịnh v.v... tất cả cái đó đều là phương tiện. Nếu mình bám chặt phương tiện mà mình đang theo, rồi chỉ trích pháp “không phương tiện”, đó là lầm lỗi. Phương tiện ví như cây vịn để vịn tay lần qua cầu, người nào yếu chân sợ té thì phải nương cây để qua, còn người nào mạnh chân thì cứ thẳng mà đi, không cần nương vịn. Qua khỏi cầu là phải buông cây, chứ đâu có nắm hoài. Cũng vậy, niệm Phật đến vô niệm mới là cứu cánh, khi được nhất tâm rồi thì câu niệm Phật không cần thiết nữa. Hay như trong kinh A-Hàm Phật dạy: Người nào quán Tứ niệm xứ hoặc một ngày... cho đến bảy ngày mà không có tạp niệm thì người đó chứng quả. Còn tôi nói nếu quý vị quán Bát Nhã từ một ngày cho đến bảy ngày mà không có niệm khác thì sẽ được Bát Nhã hiện tiền. Những lời nói này đâu có khác. Đến chỗ cứu cánh thì phương tiện không còn. Thế mà, vì không thực hiểu nên chúng ta chấp cho thế này là hay, thế kia là dở. Sở dĩ không dung hội được như thế, là vì chúng ta đứng ở một khía cạnh mà nhận xét. Nếu thật thâm hiểu sẽ thấy ngôi nhà Phật pháp chỉ có một, mà cửa phương tiện bước vào thì có nhiều.

Ở đây Tổ Qui Sơn nói pháp môn vượt ngoài phương tiện, lối tu này hơi khác lạ khiến người càng sợ. Thông thường, sơ cơ thì phải tụng kinh, trì chú hoặc ngồi

thiền chăm bảm kèm tâm, ngộ chừng hễ thấy vọng tưởng dấy lên liền buông ngay. Luôn cầm kiếm sẵn trong tay vừa thấy ma liền nhiếp phục nó. Đến khi dẹp hết ma quân rồi thì ngồi chăm bảm làm chi nữa? Như trâu đã thuần đâu cần cầm roi kéo mũi, khi tâm đã thuần thì chúng ta phải vận dụng qua cái khác. Nếu ngồi yên tâm được yên thì phải tập tu trong động xem nó có thật yên chưa? Chẳng hạn đi nhỏ cỏ, cuốc đất v.v... Nếu trong động mà tâm yên thì mới tiến được chớ chẳng phải ngồi mãi một chỗ. Có người lầm tưởng ngồi 2 giờ, 4 giờ, 10 giờ... cho đến ngồi cả ngày quên cơm nước đó là cao, nhưng thực sự không phải vậy. Ở đây tôi chỉ cho ngồi 2 giờ là tối đa, cho đến lúc nào đó quý vị thông thả dạo chơi, xem hoa ngắm kiểng, rồi khuya dậy châm trà uống, khỏi cần ngồi thiền, mà tâm an nhiên không động, đó mới là cao. Thiền đến chỗ cứu cánh là phải như vậy, phải thiền trong tất cả thời, chứ không phải ngồi mới gọi là thiền. Bây giờ bắt quý vị ngồi thiền tạm gọi là dùng phương tiện, đến khi nào vọng tưởng lặng là xong, chỉ cần biết vọng tưởng không theo là đủ. Nếu chúng ta mượn câu trì chú hoặc niệm Phật để tu, đến chừng muốn bỏ, bỏ không nổi thì kẹt. Thành ra tu thiền thấy như khó, vì không có phương tiện, song đến cứu kính thì thật là dễ, vì không có cái gì để bỏ. Chỉ cốt vọng tưởng dấy lên đừng chấp nhận, vọng tưởng hết thì tâm nhất như. Nghe như dễ, nhưng lại rất khó. Thật ra chẳng phải dễ hay khó mà chỉ do chúng ta có chí hay không.

Chánh Văn:

“Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tông nan đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhân, tiện thị xuất trần giai tiệm”.

Dịch:

Rộng hỏi tiên tri, thân gần thiện hữu. Tông này khó đạt được chỗ nhiệm mầu, cần phải dụng tâm chính chắn. Nếu trong ấy đạt được chánh nhân, đó chính là thêm bậc giải thoát.

Giảng:

Nếu không khế ngộ được nguồn chơn thì phải tham vấn các bậc tiên tri. Chữ “tiên tri” đây có nghĩa là người đã học đã tu trước mình. Vì tông này rất khó mà đạt được diệu chỉ, nên cần phải dụng tâm cho chính chắn. Nếu ở trong ấy mà ngộ được chánh nhân rồi thì liền vượt khỏi cõi trần không cần theo thứ lớp. Đây là chỗ quan trọng của Thiền tông. Thiền tông là con đường tắt không quanh co, không theo thứ tự, nên khó mà nhận được yếu chỉ. Nhưng nếu khéo dụng tâm và đạt được bản nhân rồi, thì tin chắc ngay trong đời hiện tại không còn bị luân hồi lôi kéo nữa. Song đây không phải là việc dễ, phải khéo cẩn thận. Có nhiều người tu thiền cầu được những điều hay lạ, tâm chạy theo danh sắc nên đã lạc làm đi trong sanh diệt. Có người muốn tu, đến đây nhờ tôi nói một câu chỉ thẳng yếu chỉ. Tôi biết nói thế nào, chỉ có cách là học ba năm đi rồi sẽ thấy, chớ chỉ liền không thể được. Vì đây là chỗ không hình tướng. Tuy không phải là không, nhưng khó thể chỉ bày. Quý vị chịu khó ngày nay nghe thấm một ít, ngày mai nghe thấm một ít. Cho đến hôm nào đó, chợt lãnh hội được yếu chỉ, thì sự tu hành mới bảo đảm không lầm. Dầu đây là pháp môn không phương tiện, nhưng trình độ quý vị không thể khai thông liền, nên phải có thời gian, rồi cơ hội tốt đến, quý vị tự lãnh hội. Đó là điều mà chúng tôi mong mỏi.

Chánh Văn:

“Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu”.

Dịch:

Đây là phá 3 cõi 25 loài.

Giảng:

Kinh Lăng Nghiêm, Phật chia ra 25 cõi, nên đây nói 25 loài. Chúng ta tu là quyết ngay đời này phải ra khỏi tam giới, dứt vòng luân hồi. Theo tinh thần Thiên tông, chúng ta phải thấy mình chỉ là người khách qua lại trong tam giới thôi. Chúng ta không còn bị trói buộc mà chỉ vì tùy nguyện độ sanh nên đi vào tam giới

Chánh Văn:

“Nội ngoại chư pháp tận tri bất thật, tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh”.

Dịch:

Trong, ngoài các pháp đều biết không thật. Từ tâm biến khởi, tất thị giả danh”.

Giảng:

Một câu này, quý vị nếu nhận hiểu rồi, có thể nói tu suốt kiếp cũng chưa xong. “Nội ngoại chư pháp” là các pháp bên trong và bên ngoài, tức năm uẩn và sáu trần, đối với các pháp hằng chiếu soi thấy nó không thật ấy là giải thoát. Như trong kinh nói: giả sử bố thí châu báu nhiều bằng quả đất cũng chưa chắc được giải thoát. Vì sao? Vì còn thấy mình thật, người thật, của cải thật thì đó là nhơn luân hồi (nhưng luân hồi trong cõi lành) chứ chưa phải giải thoát. Người quyết tâm giải thoát phải luôn luôn dùng trí tuệ thấy rõ năm uẩn, sáu trần, các pháp thế gian và xuất thế gian đều không thật. Vì sao không thật? Vì “từ tâm biến khởi?”. Sở dĩ chúng ta luân hồi trong tam giới là do nghiệp gây nên, mà gốc nghiệp là thân, miệng, ý. Nhưng xét kỹ thì thân và miệng chỉ là công cụ của ý, ý chủ động. Ý có nghĩ thân mới làm, miệng mới nói. Vì thế chúng ta tu là cốt làm sao cho ý dừng lặng không còn tạo nghiệp thì còn ai lôi chúng ta vào tam giới nữa? Tất cả phương pháp tu đều quy về chỗ đó. Niệm Phật, trì chú thì phải đến chỗ nhất tâm, tham thiền phải bật vọng tưởng, tức ý không còn hoạt động. Chúng ta không hiểu thấu đáo nên chấp cho rằng tụng kinh có phước, trì chú có linh nghiệm, tham thiền có công đức v.v... mà không biết rằng tất cả những phương tiện ấy chỉ cốt để đập tan dòng ý thức cuộn chảy trong chúng ta. Khi ý thức lặng rồi thì tâm thanh tịnh nhất như. Có người tu đến chỗ lặng vọng tưởng lặng rồi lại hoảng hốt, cho rằng: mình đâu mất! Thế là cầu thanh tịnh, được thanh tịnh lại hoảng sợ! Chẳng khác nào chàng Cùngthử trở lại quê cha, đến chùng thấy cha lại hoảng kinh chạy trốn, buộc lòng ông cha phải dùng phương tiện dẫn dụ về làm những công việc hèn hạ, như hốt rác, đổ phân thê mà lại hài lòng. Thật đáng thương xót! Cũng vậy, Phật mượn phương tiện dạy chúng ta tu hành qua thứ lớp. Như tu thiền, quán tứ đại thì trước quán thủy đại. Quán nước trong thân lần lần tràn khắp hư không thì được cái định thứ nhất là sơ thiền, kế đến quán gió; lửa v.v... cuối cùng xả hết đến Diệt thọ tưởng định là chận đứng dòng tâm ý. Chỉ vì chúng ta không nhận nổi cái “trực chỉ”, nên Phật phải

dẫn quanh một vòng phương tiện, đến rốt cùng cũng là bất tâm ý. Thiên tông thì chỉ thẳng, khiến cho người hoảng hốt tưởng rằng đến đó là không còn gì nữa. Đây là bệnh do mê lầm mà ra, chứ không có gì lạ. Vì chúng ta lâu nay hằng sống với cái hư giả mà cho là thật, còn đối với cái thật thì lại hồ nghi. Ví như kẻ xa quê lâu ngày muốn về thăm cha mẹ nhưng quên mất số nhà chỉ nhớ loáng thoáng con đường. Khi đến con đường ấy cứ đi tới đi lui mãi, thậm chí dừng trước cổng nhà mình mà cũng không biết, lại phải tìm người để hỏi. Chúng ta cũng vậy, khi vọng tưởng dấy lên cuồn cuộn thì ra sức dẹp, hết vọng tưởng lại thấy không ngờ, rồi sợ mà không nhận “cái thật” trong cái không ngờ đó, nên muốn trở lại vọng tưởng nữa. Cứ lần quần, loanh quanh tu mãi chẳng đến đâu. Đó là vì không thấy rõ lối đi nên bị mắc kẹt, còn nếu chúng ta biết rõ manh mối chánh yếu của việc tu, thì đi thẳng vào nhà không còn sợ sệt gì nữa. Thế nên, Tổ dạy người tu thiền trước phải dùng trí tuệ chiếu soi thấy năm uẩn, sáu trần thấy là không thật, từ tâm biến khởi chỉ có giả danh. Đây là giai đoạn căn bản bước vào cửa thiền.

Chánh Văn:

“Bất dụng tương tâm thấu bạc, dẫn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân”.

Dịch:

Chẳng cần đem tâm nương gá, chỉ lòng không gá vật thì vật đâu chướng ngại được người.

Giảng:

Thật là đơn giản, tu thiền là thế đó. Nếu ngồi thiền mà tâm còn nhớ việc này, nghĩ chuyện kia gọi là “thấu bạc”. Điểm này có người thắc mắc, như chánh tư duy là dùng một đề tài nào đó suy tới nghĩ lui, nghiền ngẫm cho ra lý, lâu ngày nảy ra một ý kiến hay nào đó, người ta cho là phát huệ, phải không? Thiền Tông thì không dùng như vậy. Vì như vậy thì tâm mãi loạn, ý tạo nghiệp bao giờ mới dừng? Ở đây cốt đánh tan ý. Chẳng đem đề tài nào suy gẫm cả, mà chỉ không cho vọng tình chạy theo sự vật bên ngoài. Nếu ngồi thiền mà chợt nhớ ông A, ông B là tình đã gá vật rồi. “Vật” đây là người, cảnh bên ngoài. Nếu tâm mình chạy theo vật phải biết mà chặn ngay. Đừng để tâm dong ruổi theo cảnh vật, đến cả danh ngôn cũng vậy, đây là cái dễ làm cho tâm loạn nhất. Lúc đầu loạn theo cái thô lẫn lẫn đến cái tế. Như những lời nói của cổ đức, hoặc trong kinh sách, cho đó là nghĩ lành nên thường đuổi theo, ấy là bệnh của người tu thiền hay mắc phải. Chúng ta vừa dấy niệm là tình đã “phụ vật” rồi. Tất cả những nghĩ tưởng của ta đều không rời danh ngôn, sắc tướng. Khi ngồi yên không thấy người, cảnh bên ngoài. Song, nếu chợt nhớ hình ảnh nào đó thì liền hiện ra, như có trước mắt. Hoặc nhớ câu nói nào đó thì liền nghe vang lên trong tâm thức. Đó gọi là pháp trần. Những lúc đó chúng ta không gá vào những vật hiện có trước mắt, nhưng gá vào bóng dáng của vật còn lưu lại trong tâm thức, như vậy cũng là “phụ vật”, vật từ tâm biến ra. Vì thế chủ yếu là chúng ta đừng để cho tâm gá vật. Nếu thấy người thấy cảnh mà tâm không duyên theo thì đâu có gì chướng ngại. Dù ngọc ngà đầy trước mặt mà tâm không dấy động, thì thử hỏi cái gì chướng ngại mình? Chướng là do ma bên trong chực sẵn cộng thêm lũ quỷ bên ngoài nữa, mới làm nội công ngoại kích mà phá tan thành trì giới luật và Thiền định của chúng ta. Cho nên, khi có người hỏi Thiền

sư: “Thế nào là giải thoát”. Ngài đáp: “Tâm, cảnh không đến nhau là giải thoát”. Đây chính là nghĩa “tình không gá vật”. Như vậy, chúng ta thấy rõ giải thoát chẳng phải tìm đâu xa, chẳng phải tu nhiều đời nhiều kiếp mới được. Mà chỉ “tâm cảnh không đến nhau”, chứ chẳng có gì là kỳ lạ cả. Chỉ vì tâm cảnh dính nhau nên bị trói buộc, chính vọng tưởng trói chúng ta vào vòng sanh tử, dứt vọng tưởng thì nhân trói buộc đâu còn, đó là giải thoát ngay hiện đời. Sự tu hành đơn giản chỉ có thế.

Chánh Văn:

“Nhập tha pháp tánh châu lưu, mặc đoạn mặc tục. Văn thính kiến sắc, cái thị tầm thường. Giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết”.

Dịch:

Mặc tình pháp tánh trùm khắp, chẳng phải đoạn dứt cũng chẳng cần tiếp nối. Nghe tiếng thấy sắc là việc tầm thường. Bên này bên kia ứng dụng không thiếu.

Giảng:

Đến đây Tổ chỉ cho chúng ta thấy một cái gì cao siêu rộng khắp:

“Nhập tha pháp tánh châu lưu, mặc đoạn mặc tục”. Khi tâm cảnh không dính nhau, chúng ta không còn lệ thuộc vào vọng tình, cái mà hằng lâu chúng ta chấp cho nó là mình. Lúc đó cái gì là mình? Chỉ vì lâu nay chúng ta thấy hòn bọt cho đó là biển cả, đâu ngờ nay đập tan hòn bọt mới thấy biển cả mênh mông. Khi vọng tưởng hết, chừng ấy chúng ta mới thể nhập pháp tánh vô biên. Chỗ này Tổ Tăng Xán gọi là “Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư”. Khi tâm dừng, không chạy theo vọng tưởng nữa đừng tưởng là hết, mà lúc ấy là lúc đập tan hòn bọt để hòa cùng biển cả. Nơi nơi chốn chốn đều có mình. Mình không còn hạn cuộc trong cái thân nhỏ bé này nữa mà trùm khắp hư không. Vì thế, Ngài Thiện Tài đồng tử khi bước vào lầu các của Bồ Tát Di-Lặc liền thấy vô lượng vô biên chư Phật, và mỗi chỗ mỗi chỗ đều có mặt Ngài đang đánh lễ. Khi nhập pháp tánh rồi thì nó tràn lan trùm khắp, không cắt đứt cũng đừng tiếp nối, lúc đó an nhiên tự tại. Lúc đó là sống với pháp thân. Cho nên các Tổ khi thể nhập được pháp tánh rồi thì nói một lời là một bài kệ. Đi, đứng, nói, nín đều là đạo. Không cần đợi đến chết mới nhập pháp thân, chỉ cần dứt vọng tưởng là được. Đến đó thì:

“Văn thính kiến sắc cái thị tầm thường”, tức nghe tiếng thấy sắc đều là tầm thường. Bởi vì khi đã thể nhập được pháp tánh, nhận được cái chân thật rồi thì tất cả sự vật ở thế gian đều là ảo ảnh không thật, không có gì đáng để chúng ta quyến luyến. Nhưng nếu chưa đến đó thì phải thận trọng. Có một số tu sĩ sắm radio, tivi để xem, rồi hút thuốc, uống bia... tự cho mình là người phá chấp, tự tại trong khi tâm còn đầy áp vọng tưởng, thì đó là nguy hiểm để che mắt thế gian. Chúng ta chỉ tự tại khi nào nhập được “pháp tánh châu lưu”, khi nào nhận được cái chân thật thì cái giả mới không màng. Ví như một em bé nhà quê được mẹ mua cho đôi bông bằng vàng giả. Em bé hí hửng đem khoe với bạn bè, tự hài lòng quý thích đôi bông, vì em tưởng nó là thật. Nhưng đối với người có đôi hoa tai bằng vàng ròng hay kim cương thì đôi bông giả kia đâu có giá trị gì. Dù cho đầy trước mắt những thứ giả ấy, họ cũng không thèm để ý huống nữa là quý thích. Khi chúng ta vượt qua khỏi lãnh vực giả dối, tìm lại được mặt thật xưa nay, thì khi ấy đối với thế gian này ta mới là người hoàn toàn không ô nhiễm. Như Ngài Phù Dung nói: “Ngộ thính ngộ

sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhĩn trung trước tiết”. Tức là gặp thình gặp sắc như cây trồng trên đá, thấy lợi thấy danh như bụi rơi vào con mắt. Đối với người đã đạt được pháp tánh rồi thì thình sắc danh lợi không bám được, chẳng có chi phải bận lòng. Mà lúc ấy:

“Giá biên na biên ứng dụng bất khuyết”. Bên này bên kia ứng dụng không thiếu. Bên này bên kia là thế nào? Là đứng về mặt xuất thế gian thì không còn bị năm trần ô nhiễm. Còn đứng về mặt thế gian thì tùy cơ ứng biến diệu dụng không lường. Không chấp có, không kẹt không, không mắc trong thế gian cũng không đắm trong giải thoát.

Tự tại qua lại trong tam giới, tùy duyên hóa độ muôn loài. Đó là chỗ cứu kính của người tu. Đoạn trên Tổ đã thố lộ chỗ chí yếu của việc tu để chúng ta không còn ngờ vực, đến đây Tổ lại khen ngợi để sách tấn.

Chánh Văn:

“Nhu tư hành chỉ, thật bất ủng phi pháp phục. Diệt nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tâm, xuất một vị tha tác tác”.

Dịch:

Nếu làm được như thế, mới thật không ủng mặc áo pháp, cũng là đền đáp bốn ân cứu giúp ba cõi. Đòi đòi nếu không thối chuyển thì quả Phật quyết chắc được nên. Làm người khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm phép tắc cho người.

Giảng:

Nếu đi đúng đường lối Thiên Tông như trên, tức “ngộ thình ngộ sắc như thạch thượng tài hoa”, mới thật không ủng mặc áo pháp trong nhà Phật. Chủ trương của chúng tôi ở đây là ngu dân. Ngu dân bằng cách loại bỏ tất cả kiến thức, vì còn kiến thức là còn vọng tưởng. Nếu khi ngồi thiền nảy ra ý gì hay liền ghi thành sách, như thế thì chẳng bao giờ vào cửa “pháp tánh châu lưu” được. Vì thế chúng ta phải gan dạ loại bỏ các kiến thức tạp nhạp kia ra, càng nhiều kiến thức càng tầm thường. Muốn vượt khỏi sự tầm thường ấy thì chỉ nên đi thẳng theo một con đường cho đến nơi đến chốn. Ví như, người đánh máy cũng biết, đào mương cũng biết, hội họa cũng biết, làm bếp cũng biết... cái gì cũng biết hết thì chắc chắn sẽ không giỏi hẳn một môn nào. Người ấy chỉ có thể tùy thân hữu dụng chứ không thể thành người tài giỏi được. Muốn thành người tài giỏi thì phải bỏ hết mà chỉ chuyên một ngành nào đó thôi. Tất cả kiến thức khôn ngoan của thế gian hay trong đạo đều là vọng tưởng, chẳng phải là cái chơn thật, đó chỉ là những hòn bọt ngoài bề cả nào có nghĩa lý gì. Chúng ta phải gan dạ đập nát hết những hòn bọt kia đi, mới thấy mình bất sanh bất diệt. Mới thấy được cái diệu dụng khôn lường của mình và chừng đó mới có khả năng gánh vác việc lớn, đỡ nâng Phật pháp.

Chánh Văn:

“Thử chi nhất học tối diệu tối huyền. Dẫn biện khảng tâm, tất bất tương trảm”.

Dịch:

Môn thiền này rất diệu rất huyền. Chỉ cần có đủ quyết tâm, mới biết Phật Tổ không dối.

Giảng:

Có một thiền khách đến hỏi Thiền sư:

- Vì sao nói “Nhu-Lai có mật ngữ mà không có mật tàng?” Thiền sư liền đưa tay lên, hỏi:
- Hội không?
- Thừa không hội.
- Nếu ông không hội thì Nhu-Lai có mật ngữ, nếu ông hội thì Nhu-Lai có mật tàng.

Lại nữa, một hôm ở trên hội Linh-Sơn Phật đưa cành hoa sen lên, cả chúng hội đều ngơ ngác. Chỉ có Ngài Ca-Điếp đặc ý chum chum cười.

Điều Phật muốn nói, muốn chỉ vượt ra ngoài tầm hiểu biết theo vọng tưởng của mình, nên chúng ta nghe như bí mật. Vì chúng ta không lãnh hội được nên thấy như Phật có “mật tàng”. Còn đối với Ngài Ca-Điếp thì Nhu-Lai có mật ngữ, song không có mật tàng. Khi chưa lãnh hội được thì nghi ngờ lời Phật Tổ, khi lãnh hội được rồi thì hết nghi. Mới thấy môn thiền này rất là diệu huyền. Ai tu thiền cũng phải cố gắng mà nhận ra “cái chân thật” mới thấy Phật Tổ không dối gạt mình. Nhất là quý vị đang nghi ngờ: nếu đẹp hết kiến thức rồi còn gì? Chẳng lẽ tu rồi không biết gì hết, cứ ngơ ngơ sao? Đừng lo chuyện ấy, chỉ lo trong lòng chưa được trống không thôi. Chứ khi dứt hết vọng tưởng điên đảo rồi thì: “bên này bên kia ứng dụng không thiếu”, đừng lo đến đó rồi hết. Có lắm vị ngồi Thiền được yên tĩnh giây lát, sanh nghi ngại: tới chỗ yên rồi hết sao? Thật ra được yên chốc lát làm sao có diệu dụng? Chừng nào đi, đứng, nằm, ngồi đều như như, như Ngài Triệu Châu suốt ngày không có tạp niệm, trừ hai thời cơm cháo là còn phải quán tưởng, thì chừng ấy mới “pháp tánh châu lưu”. Còn chúng ta thì không yên được nửa ngày, sáng cạo râu, trưa hót móng tay, chiều sửa soạn đi đạo...chưa có được 5 phút như như, thì làm thế nào có diệu dụng? Chỉ khi không còn vọng tưởng mới thấy mình chẳng phải là cái thân bé nhỏ mong manh này mà là cái bất diệt vĩnh cửu. Đó là chỗ cứu kính của người tu. Đâu chỉ riêng Thiền tông thấy như vậy mà bên Tịnh độ cũng thế. Trong một buổi tiếp khách của một Thiền sư Nhật Bản, có một vị Tăng đến, Thiền sư hỏi:

- Thầy tu pháp môn nào?
- Tôi tu pháp môn Tịnh độ.
- Đức A-Di-Đà bao nhiêu tuổi?
- Bằng tuổi của tôi.

Câu đáp này chứng tỏ vị Tăng đó đã nhập được pháp tánh, không còn thấy Phật A-Di-Đà là một vị Phật ở cõi xa xôi nào mà chính là tự tánh của mình nên mới nói: “Bằng tuổi của tôi”. Nghe qua, thấy như ông Tăng này phạm thượng dám so sánh tuổi mình bằng tuổi Phật, nhưng người thật tu, hiểu thấu đáo rồi mới thấy đó là sự thật.

Sau khi dạy tu Thiền xong Tổ e có người đối với giáo lý cao siêu như thế không kham lãnh nổi, nên Ngài hạ xuống một nấc, dạy phương pháp khác.

Chánh Văn:

“Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả u giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối điệp. Tinh suu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”.

Dịch:

Nếu có kẻ bậc trung, chưa thể vượt qua được (phương tiện). Thì phải, đối với giáo pháp lưu tâm, ôn tầm kinh luận. Tinh thông nghĩa lý truyền bá mở mang, tiếp dẫn hậu lai, báo ân đức Phật.

Giảng:

Nếu người đốn siêu được thì ngay trong đời này có thể cứu giúp chúng ta trong ba cõi đền đáp bốn ân. Còn chúng ta không được như thế thì phải nghiên cứu kinh điển cho tinh thông để đem ra truyền bá, hầu tiếp dẫn người sau, đáp đền ơn Phật. Như thế cũng là tốt vậy.

Chánh Văn:

“Thời quang diệt bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì. Trú chỉ uy nghi, tiệp thị tăng trung pháp khí”.

Dịch:

Thời giờ chớ nên luống bỏ, phải dùng giáo pháp để phò trì. Đi đứng oai nghi, mới là pháp khí Tăng bảo.

Giảng:

Nếu chúng ta không phải là người nhất thời thấu suốt về thiên thì cũng không nên luống bỏ thì giờ, bằng cách nghiên cứu kinh điển cho thâm sâu để dạy dỗ người sau, giữ gìn nề nếp, đi đứng oai nghi...Như vậy, cũng đã là mẫu mực cho Tăng chúng và đền đáp ơn Phật rồi.

Chánh Văn:

“Khởi bất kiến ỷ tùng chi cát, thượng tủng thiên tâm, phụ thác thắng nhân phương năng quảng ích”.

Dịch:

Há chẳng thấy, dây sắn nương cây tùng mà vượt cao lên ngàn trượng. Nương gá nhân lành thù thắng thì mới được lợi ích rộng nhiều.

Giảng:

Đoạn này ý nói dây sắn dây bìm nhờ nương quán cây tùng mà vượt lên cao ngàn trượng. Cũng vậy, chúng ta là kẻ tầm thường thì phải nương nhờ kinh luật để tu. Vì sao? Vì kinh giáo ví như chiếc bè để qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng. Nương ngón tay mà thấy mặt trăng, nhân kinh mà ngộ được bản tánh. Dầu cho đời này không tỏ ngộ được thì cũng chứa nhóm thiện căn, nuôi dưỡng hạt giống Phật. Đồng thời nghiên cứu kinh điển mới nắm vững đường lối tu để hướng dẫn cho người khiến cho mọi người cũng bớt khổ được vui. Thế nên người tu phải khéo léo linh động để được lợi ích cho mình và cho người.

Chánh Văn:

“Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du. Thế thể sanh sanh, thù diệu nhơn quả”.

Dịch:

Phải nên thiết tha tu hành trai giới cho thanh tịnh, chớ nên khinh dối bỏ qua. (Như thế) đời đời kiếp kiếp sẽ được nhân quả tốt đẹp.

Giảng:

“Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du”. Ở trên Tổ đã khuyên học kinh, nhưng sợ chúng ta chấp lý bỏ sự, hạnh giải không tương ưng nên đến đây Ngài dạy phải nghiêm trì giới luật, chớ nên thiếu sót bỏ qua (khuy: thiếu sót, du: bỏ qua) giữ giới là sự, học kinh là lý, sự lý phải viên dung. Như chim có hai cánh thiếu một thì không thể bay được. Như người có hai chân, thiếu một thì không thể đi được. Thế nên Tổ Ca Diếp trọn đời tu hạnh đầu đà. Ngài Vĩnh Gia không ăn rau dưới đầu cuộc (vì cuộc đất làm chết trùng kiến). Ngài Khuê Phong quanh năm không rời đây lọc nước...Chư Tổ đã ngộ đạo mà đối với giới luật còn không dám coi thường, huống người nay học hiểu được chút ít lý Thiên đã vội buông lung phá chấp, đó là bệnh.

“Thế thể sanh sanh, thù diệu nhơn quả”. Giữ giới thì hiện đời tâm được trong sạch, đời sau được báo thân đóa chính trang nghiêm. Cho đến thân 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Phật cũng do nhiều đời giữ giới mà được thành tựu. Nên nói “đời đời kiếp kiếp nhân quả tốt đẹp”.

Chánh Văn:

“Bất khả đẳng nhàn quá nhựt, ngọt ngọt độ thời, khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân. Tích lỵ chuyển thâm, tâm trần dị ửng, xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi”.

Dịch:

Chẳng nên thông thả qua ngày, ngẩn ngơ hết buổi. Thì giờ đáng tiếc sao chẳng cầu tu tiến. (Như thế thật là) luống hao của tín thí, cũng là cô phụ bốn ân. Tích chứa càng nhiều tâm trần dễ lấp, gặp việc ngăn bít, bị người chê cười.

Giảng:

“Bất khả đẳng nhàn quá nhựt, ngọt ngọt độ thời”. Tổ quở chúng ta không nên lững lơ thông thả qua ngày, ngây thơ cho hết tháng. Chữ “ngọt ngọt” có chỗ dùng để chỉ cho người trong lòng không còn một chút kiến giải nào tâm nhất như, người này cũng ngáo nhưng không phải là cái ngơ ngáo của người không hiểu đạo lý. Còn ở đây Tổ dùng chữ “ngọt ngọt” để chỉ cho người lo ăn chơi theo thế tục, cứ ngơ ngơ để ngày tháng trôi qua vô ích.

“Khả tích quang âm bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô

phụ tứ ân”. Chúng ta phải biết quý tiếc thời giờ mà nỗ lực tiến tu. Nếu không thì đã luống tiêu hao của tín thí mà cũng là cô phụ bốn ân.

“Tích luy chuyển thâm, tâm trần dị ửng, xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi”. Tích chứa tiền của càng nhiều thì tâm dễ bị bụi trần che lấp. Như khi chúng ta không có một xu dính túi thì đâu có nghĩ gì, nếu có ai cho vài ngàn thì lúc đó nghĩ phải mua gì đây? Tức vọng tưởng dấy lên. Tiền ít thì vọng tưởng ít, tiền nhiều thì vọng tưởng càng nhiều. Người có bạc tỷ thì thật khó tu vì phải nghĩ làm sao cho khỏi mất mát, làm sao để sanh lợi? Tâm lúc nào cũng bất an, tức đã bị bụi trần phủ che. Nên người nào chứa nhóm càng nhiều thì càng bị chướng ngại, đối với việc Phật pháp không sáng tỏ được. Tuy có tiền của nhiều, song vẫn bị người khinh vì tu mà đạo lý không biết gì cả. Đến đây Tổ lại an ủi:

Chánh Văn:

“Cổ vân: Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất. Nhược bất như thử, đồ tại tri môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích”.

Dịch:

Người xưa nói: Kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ tự khinh mình mà lui sụt. Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo dần dà hết một đời, trọn không có lợi ích.

Giảng:

“Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh khi thoái khuất”. Trong kinh A Hàm có kể chuyện Ngài La Hầu La, Ngài đi tu lúc còn bé, nên hơi khi. Có lần thấy các vị Tỳ Kheo ngủ, Ngài đến chọc léc. Các Tỳ Kheo mách lên Phật, Phật quở:

- Sao ông không học theo những vị trưởng lão đảm đảm nghiêm chỉnh, lại đi trừng giỡn như thế?

La Hầu La thưa:

- Bạch Thế Tôn, con đâu dám bì với các hàng Trưởng lão.

Phật dạy:

“Kia là trượng phu, mình cũng thế. Có sao lại tự khinh mình, lại có những tánh xấu như vậy?”

Từ đó, câu “ Bỉ ký Trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất” luôn được nhắc nhở đến. Chúng ta thường có cái bịnh là tự ti mặc cảm. Nghe nói đến Phật thì tưởng như Phật ngồi trên mây cao, còn mình thì ở dưới đất. Biết thế nên Phật đã hạ thấp Ngài xuống để hòa với chúng ta và bảo: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành”. Tức Phật đã nâng chúng ta lên mà chúng ta vẫn không dám, nên xem chuyện thành Phật quá cao xa, không làm nổi. Tu là tu vậy, chớ không dám tin là mình sẽ thành Phật. Cứ thăm tưởng như vậy nên thay vì cố gắng mười phần chỉ rắng năm, sáu phần thôi. Như anh học trò sắp thi Tú Tài mà lại mang mặc cảm là sẽ rớt, nên đến trường học cầm chùng thôi, bạn bè có rủ đi chơi liền đi. Từ ý niệm thiếu tự tin dẫn đến bê tha. Nếu anh đình ninh thế nào cũng đậu thì sẽ cố học, ai rủ ren cũng không đi chơi, nhờ thế mà trong suốt niên học siêng năng cần mẫn. Vậy bê tha hay cần mẫn đều do tự tin hay không tự tin. Hiện nay

đại đa số người tu chúng ta hầu như mất tự tin. Vì nghĩ mình tu không thành Phật nên thôi thông thả tu, chớ cố gắng làm chi cho nhọc. Có ai rủ đi giải trí thì đi cho khuây khỏa một chút, chắc cũng không phạm tội gì. Cứ thế từ lỗi nhỏ dần dần đến lỗi lớn, rồi càng ngày càng xa đạo. Gốc là do thiếu tự tin.

Trong kinh Pháp Hoa có phẩm đáng chú ý là phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát. Bồ Tát Thường Bất Khinh thường làm một việc có vẻ như đùa, đến đâu gặp ai, Ngài cũng nói: “Tôi không dám khinh các Ngài, vì các Ngài đều có khả năng thành Phật”. Ngài không tu hành gì hết, chỉ thường nói một câu ấy thôi, thế mà Phật kết luận rằng: “Thường Bất Khinh Bồ Tát là tiền thân của ta, nhờ tu hạnh ấy mà bây giờ ta được thành Phật. Còn những người mà ta gieo hạt giống thời đó, hiện tại đang ở trong hội chúng đây, có người là Bồ Tát, có người là La Hán”. Như vậy chỉ một câu nói “Tôi không dám khinh các Ngài, vì các Ngài đều sẽ thành Phật”, mà quan trọng vô cùng. Câu nói này đã gieo vào lòng người một niềm tin, tin mình có hạt giống Phật. Chủ yếu của kinh Pháp Hoa là ở phẩm này. Chỉ vì chúng ta mất niềm tin, nên đối với quả Phật cảm thấy vô phần, trong khi mỗi người chúng ta đều có Phật tánh. Mà đã có hạt giống Phật thì quyết định sẽ có ngày thành Phật. Nên ở trên Tổ đã nói: “Phật giai quyết định khả kỳ” tức quả Phật chắc chắn sẽ có ngày thành tựu. Phật Tổ cũng là người như chúng ta, nếu chúng ta đi đúng theo gót chân các Ngài thì chúng ta cũng thành Phật thành Tổ. Nếu chúng ta chưa ra gì mà tự xưng là Tổ thì đó là ngã mạn. Còn nói: “quyết định sẽ thành Tổ”, thì đâu phải ngã mạn. Chúng ta nên hiểu rõ như thế để cố gắng vươn lên.

“Nhược bất như thử đồ tại tri môn, nhằm niễn nhất sanh, thù vô sở ích”. Nếu không được như vậy thì luống ở trong dòng họ nhà tu, lơ lửng một đời trọn không có lợi ích. Tới đây Tổ vừa nhắc nhở vừa quở rầy mà chúng ta đâu đó vẫn y nguyên, mới biết mình nghiệp chướng thật sâu dày.

Chánh Văn:

“Phục vọng hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chi hoài. Cử thổ khán tha thượng lưu, mặc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhân. Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch chỉ vị cửu trệ bất thông”.

Dịch:

Trông mong (các ông) phát chí dũng mãnh, mở lòng rộng xa. Việc làm phải noi gương hàng Thượng đức chớ học kẻ tầm thường. Đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu giùm. Dứt ý quên duyên, đừng với các trần làm bạn. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì hằng lâu ngăn trệ chẳng thông.

Giảng:

“Phục vọng hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chi hoài. Cử thổ khán tha thượng lưu, mặc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhân”. Tổ trông mong chúng ta hãy khởi ý chí quyết liệt, mở tâm rộng rãi, phạm làm việc gì phải noi gương các bậc tiền bối (Phật Tổ) chớ duyên theo những kẻ tầm thường. Đời này phải chính mình lo giải quyết lấy việc sanh tử của chính mình chớ trông cậy vào người khác. Như thế mới xứng đáng và không uổng phí

một đời tu. Tô đã thúc đẩy mạnh mẽ để chúng ta một bề thẳng tiến, kể đây Ngài dạy tu:

“Tức ý vọng duyên bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch, chỉ vị cửu trệ bất thông”. Dứt ý quên duyên đừng cùng với trần cảnh làm đối đãi, tức “tâm cảnh không đến nhau”. Chữ “cảnh tịch” ở đây có nghĩa tâm không duyên theo cảnh. Nếu ở giữa chợ mà tâm không duyên theo cảnh thì đó là “cảnh tịch”. Còn nếu ở núi non vắng vẻ mà tâm cứ nhớ đây nhớ kia thì đó là cảnh ồn. Cảnh vắng hay ồn là do tâm duyên hay không duyên vậy. Xưa nay, tâm vốn rỗng rang, trần cảnh vốn lặng lẽ. Chỉ vì quên chơn theo vọng lâu ngày bị các duyên che lấp, mất bản tâm khiến phải lằng xằng trong sáu nẻo. Bây giờ chỉ cần dừng vọng tưởng là dừng bước luân hồi. Đến đây Ngài nhắc:

Chánh Văn:

“Thực lã tư vãn, thời thời cảnh sách, cưỡng tác chủ tế, mạc tuẩn nhân tình. Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan, nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ”.

Dịch:

Hãy đọc kỹ văn này, thường tự nhắc nhở. Cố gắng làm chủ chớ theo tình người. Nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Tiếng hòa thì vang thuận; hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rõ ràng há không lo sợ.

Giảng:

“Thực lã tư vãn, thời thời cảnh sách, cưỡng tác chủ tế, mạc tuẩn nhân tình”. Tô dạy chúng ta phải thường đọc lại bản văn này cho thuộc lòng để luôn tự đánh thức mình. Phải cố gắng tự chủ đừng chạy theo tình người. Tình người là sao? Là nay, chỗ này thỉnh Thầy đi tụng giùm con một thời kinh. Mai, chỗ nọ thỉnh Thầy đi cúng giùm con một đám v.v...không đi sợ Phật tử buồn cứ như vậy xách gói đi hoài thì làm sao có thì giờ để tu? Cho nên mình phải tự chủ đừng chạy theo tình người, mới có thể tiến tu được.

“Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan, nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ”, một khi nghiệp quả đã buộc ràng thì khó mà trốn tránh. Gây nhơn lành thì được quả tốt, cũng như tiếng êm ái thì âm vang cũng nhẹ nhàng, hình ngay thì bóng thẳng. Nhơn quả theo nhau rõ ràng như vậy. Nếu đời này tu hành chưa giải thoát được thì biết chúng ta gây nhơn gì phải gạt quả nấy. Thế nên người biết tu phải dè dặt.

Chánh Văn:

“Cố kinh vân, giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ”.

Dịch:

Cho nên kinh nói: “Giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhân duyên khi gặp gỡ, quả báo lại phải chịu.

Giảng:

Đây là Tổ dẫn trong kinh Nhân Quả. Giả sử chúng ta đã tạo nghiệp, dù trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp đó cũng không mất. Khi hội đủ duyên thì quả báo sẽ đến và chúng ta phải nhận chịu. Đôi khi chúng ta tưởng những việc chúng ta đã làm sẽ qua mất theo thời gian, nhưng thật sự nó không mất mà âm hưởng vẫn còn. Như tiếng nói phát ra chúng ta tưởng là mất, nhưng thật sự nó vang ra và còn lưu lại đâu đó. Điều này bây giờ khoa học đã giúp chúng ta thấy rõ. Những hành động của chúng ta cũng thế. Tuy nhiên, không mất mà mất, mất mà không mất. Giả sử như khi chúng ta có quyền thế, đối với những người xung quanh lắm lúc ta có những lời lẽ hay hành động khinh miệt đối với họ. Lúc đó tuy bên ngoài vì sợ uy lực của ta nên họ không dám buồn trách, nhưng trong lòng họ nhớ mãi. Đến một ngày nào đó, chúng ta sa cơ thất thế, người kia có uy thế hơn, bấy giờ họ sẽ trả thù. Chừng ấy mới thấy nhơn quả rõ ràng. Là người tu biết rõ lý nhân quả thì chúng ta phải dè dặt từng hành động, từng lời nói vậy.

Chánh Văn:

“Cố tri tam giới hình phạt oanh bạo sát nhân. Nỗ lực cần tu mạt không quá nhật”.

Dịch:

Nên biết, ba cõi hình phạt trói buộc hại người. Gắng sức lo tu chớ luống qua ngày tháng.

Giảng:

Ba cõi là chỗ chúng sanh thọ quả báo, nên nói: “Ba cõi hình phạt”. Phiền não vọng tưởng là sợi dây trói buộc, là giặc thù cướp mất huệ mạng (hay như trong nhà Thiên gọi là “gia bảo”) của chúng ta, nên nói “trói buộc hại người”. Đến đây Tổ kết thúc và nhắc nhở hết sức thiết tha.

Chánh Văn:

“Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyên bách kiếp thiên sanh, xú xú đồng vi pháp lữ, nãi vi minh viết:”

Dịch:

Biết rõ lỗi lầm nên mới khuyên nhau tu tập. Nguyên trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ cùng (nhau) làm bạn pháp, bèn làm bài minh rằng:

Giảng:

Sở dĩ Tổ khuyên như vậy, vì Ngài đã thấy rõ lỗi lầm đó nên mới khuyên chúng ta tu tập theo lời Tổ dạy. Ngài nguyện trăm kiếp ngàn đời nơi nơi chỗ chỗ đồng làm bạn pháp với chúng ta để nhắc chúng ta cùng tu cùng sớm thành Phật đạo. Và đây cũng là sở nguyện của tất cả người tu vậy. Để toát yếu lại Ngài làm bài minh:

Chánh Văn:

**“Huyền thân mộng trạch
Không trung vật sắc
Tiền tế vô cùng
Hậu tế ninh khắc?”**

Dịch:

Thân huyễn nhà mộng
Vật sắc trong không
Mé trước không cùng
Mé sau đâu biết?

Giảng:

Tổ nhắc chúng ta nên thấy thân này là huyễn hóa, cõi này như cõi mộng. Tất cả hình ảnh sự vật trước mắt ta chẳng khác nào hoa đóm giữa hư không. Tất cả đều là huyễn hóa do nhân duyên sanh, mà nhân duyên thì trùng trùng điệp điệp nên mé trước không cùng, mé sau không thể tính hết.

Chánh Văn:

**“Xuất thử một bĩ
Thăng trầm bì cực
Vị miễn tam luân
Hà thời hưu tức?”.**

Dịch:

Thoát đây chìm kia
Lên xuống cực nhọc
Chưa khỏi ba đường
Bao giờ thôi dứt?

Giảng:

Khi chúng ta chưa giác ngộ giải thoát được thì ra đây vào kia lẫn quẩn trong sáu nẻo. Lang thang trong vòng luân hồi hết lên lại xuống, từ vô thi đến giờ không biết đã bao lần. Nếu chưa thoát khỏi ba cõi thì biết đến bao giờ sự lên xuống nhọc nhằn kia mới thôi dứt.

Chánh Văn:

**“Tham luyến thế gian
Âm duyên thành chất
Tùng sanh chí lão
Nhất vô sở đắc”.**

Dịch:

Tham luyến cõi đời
Âm duyên thành chất
Từ sanh đến già
Trọn không gì được.

Giảng:

Chúng ta vì tham luyến thế gian nay nên mới có thân, tức hợp năm uẩn lại thành sắc chất. Như vậy có thân đây cũng do gốc từ luyến ái mà ra. Nhưng từ lúc sanh ra

cho đến già nhắm mắt nào có được gì đâu. Đến tay không thì đi cũng tay không, chỉ có mang theo nghiệp mà thôi. Còn nghiệp thì sanh tử lại trùng trùng tiếp nối.

Chánh Văn:

**“Căn bản vô minh
Nhân tư bị hoặc
Quang âm khả tích
Sát na bất trắc”.**

Dịch:

Căn bản vô minh
Nhân đây mê hoặc
Thời giờ đáng tiếc
Khoảnh khắc khó lường.

Giảng:

Cội gốc vô minh, do đây bị mê làm. Mê làm chông chát mê làm không biết bao giờ dứt được. Thế nên, chúng ta phải tiếc từ tác bóng. Mạng sống con người trong khoảng sát na không thể lường được. Chúng ta đang sống đây nhưng có duyên nào đó đưa đến liền ngã ra chết. Thế là đã qua đời khác rồi. Nên nếu:

Chánh Văn:

**“Kim sanh không quá
Lai thế trất tắc
Tùng mê chí mê
Giai nhân lục tặc”.**

Dịch:

Đời nay luống qua
Đời sau ngăn lấp
Từ mê đến mê
Đều do sáu giặc.

Giảng:

Nêu đời này luống qua thì đời sau bít lấp. Từ mê đến mê cũng đều do sáu tên giặc: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà chúng ta không thoát khỏi sáu trần.

Chánh Văn:

**“Lục đạo vãng hoàn
Tam giới bồ bặc
Tảo phủng minh sư
Thân cận cao đức”.**

Dịch:

Qua lại sáu đường
Lăn lóc ba cõi
Sớm tìm minh sư

Thân gần cao đức.

Giảng:

Cứ mãi qua lại trong sáu đường, lẫn lóc trong ba cõi không dứt, vì vậy nên phải hỏi các bậc minh sư và gần gũi các vị cao đức.

Chánh Văn:

“Quyết trạch thân tâm
Khử kỳ kinh cức
Thế tự phù hư
Chúng duyên khởi bức?”

Dịch:

Gạn lọc thân tâm
Bỏ điều gai góc
Đời tự giả hư
Duyên nào ép ngặt?

Giảng:

Chúng ta thường phải gạn lọc thân tâm, bỏ đi những thứ gai góc, tức vọng tưởng, để cho cây Bồ Đề được tăng trưởng. Cuộc đời tự nó là hư giả, do các duyên tụ hội. Thấy rõ như vậy thì nó làm gì bức bách được mình.

Chánh Văn:

“Nghiên cùng pháp lý
Dĩ ngộ vi tắc
Tâm cảnh câu quyên
Mạc ký mạc ức”.

Dịch:

Xét tột pháp lý
Chứng ngộ mới thôi
Tâm cảnh đều quên
Chẳng ghi chẳng nhớ.

Giảng:

Chúng ta phải nghiên cứu đạo lý cho cùng tột để đi đến chỗ giải thoát mới thôi. Tâm cảnh đều dẹp hết, chớ ghi chớ nhớ.

Chánh Văn:

“Lục căn di nhiên
Hành trú tịch mặc
Nhứt tâm bất sanh
Vạn pháp câu tức”.

Dịch:

Sáu căn an nhiên

Đứng đi lặng lẽ
Một tâm chẳng sanh
Muôn pháp đều dứt.

Giảng:

Nếu sáu căn an nhiên, không chạy theo sáu trần thì đi đứng nằm ngồi đều lặng lẽ. Khi một tâm không dấy khởi thì muôn pháp đều dứt đoạn.

Tổ dùng bài minh này để cô đọng lại toàn văn Cảnh Sách trên. Ngài nhắc nhở tới lui chỉ vì muốn chúng ta trở thành người xuất gia xứng đáng, để không phụ ơn cha mẹ, Thầy Tổ, đàn na thí chủ... và nhất là để làm lợi ích cho Phật pháp chúng sanh sau này vậy.